



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng – Huyện Phục Hòa – Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: 0206.3824.121 – Fax: 0206.3824.113 – Email: caobangsugar@gmail.com

THƯ MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng trân trọng kính mời:

Quý Cổ đông:

Mã Cổ đông:

Số CMT/ĐKKD:

Số cổ phần sở hữu:

Đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty như sau:

1- Thời gian: 07h00 thứ sáu ngày 09 tháng 11 năm 2018.

2- Địa điểm: Hội trường Công ty, Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng.

3- Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 23/10/2018 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

4- Nội dung Đại hội: Tài liệu nội dung ĐHCĐ thường niên năm 2018 được Công ty đăng tải tại website của Công ty <http://www.miaduongcaobang.vn/> và gửi đến Quý cổ đông khi tham dự Đại hội.

5- Lưu ý:

- Trường hợp Quý Cổ đông không thể tham dự, có thể ủy quyền bằng văn bản (*theo mẫu đính kèm*). Mỗi Cổ đông chỉ được ủy quyền 1 lần, người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

- Khi đi dự Đại hội, đề nghị Quý Cổ đông mang theo CMTND hoặc hộ chiếu, thư mời và Giấy đăng ký dự họp hoặc ủy quyền (*nếu có*).

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị trên phải bằng văn bản và gửi về Công ty chậm nhất 16h00 ngày 16/11/2018.

6- Xác nhận tham dự:

Để công tác tiếp đón được chu đáo, đề nghị Quý Cổ đông (*hoặc người được Cổ đông ủy quyền*) đăng ký dự họp chậm nhất trước 16h00 ngày 16 tháng 10 năm 2017 qua điện thoại, fax, hoặc email cho Văn phòng Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Điện thoại: 0206.3 824.121

Fax: 0206.3824.113

Email: taichinhcbs@gmail.com

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty!

Cao Bằng, ngày 26 tháng 10 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

(Đã ký)

Nông Văn Lạc



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: 0206.3824 121 – Fax: 0206.3824 113 – Email: caobangsugar@gmail.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800104012

NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Thời gian: 7h30 ngày 09 tháng 11 năm 2018

Địa điểm: Hội trường Công ty – Thị trấn Tà Lùng – Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

STT	Thời gian	Nội dung (dự kiến)	Chủ trì
1	7:00 – 8:30	Đăng ký tham dự đại hội	Ban tổ chức
2	8:30 – 8:50	Khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu	Ban tổ chức
3	8:50 – 8:55	Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu	Trưởng ban kiểm tra tư các đại biểu
4	8:55 – 9:00	Giới thiệu Chủ tịch đoàn, cử thư ký Đại hội, bầu ban kiểm phiếu và thông qua chương trình Đại hội; thông qua quy chế tổ chức.	Chủ tọa
5	9:00 – 9h30	Các báo cáo tại Đại hội: Báo cáo của TGD về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh NĐTC 2017 - 2018 và kế hoạch kinh doanh NĐTC 2018 – 2019; Báo cáo hoạt động của HĐQT NĐTC 2017 - 2018 và kế hoạch NĐTC 2018 - 2019; Báo cáo hoạt động của BKS NĐTC 2017 - 2018 và phương hướng hoạt động NĐTC 2018 – 2019.	Chủ tọa
6	9h30 – 10h15	Các tờ trình: - Tờ trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và kế hoạch NĐTC 2018 - 2019; - Tờ trình thông qua Báo cáo của HĐQT, BKS; - Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán NĐTC 2017 - 2018; - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận NĐTC 2017 - 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận NĐTC 2018 - 2019; - Tờ trình thù lao HĐQT, BKS, TGD NĐTC 2017 - 2018 và kế hoạch NĐTC 2018 - 2019; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán NĐTC 2018 - 2019; - Tờ trình Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh TGD; - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; - Tờ trình thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty; Các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.	Chủ tọa
7	10:15 – 10:30	Thảo luận các vấn đề biểu quyết	Chủ tọa
8	10:30 – 10:45	Hướng dẫn biểu quyết	Ban kiểm phiếu
9	10:45 – 11:10	Nghỉ giải lao	
10	11:10 – 11:20	Công bố kết quả kiểm phiếu.	Đại diện ban kiểm phiếu
11	11:20 – 11:40	Thông qua Biên bản, Nghị quyết tại Đại hội	Thư ký, chủ tọa



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Trụ sở chính: Thị trấn Tá Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: 0206.3824 121 – Fax: 0206.3824 113 – Email: caobangsugar@gmail.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800104012



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: 0206.3824.121 – Fax: 0206.3824.113 – Email: caobangsugar@gmail.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800104012

**GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP HOẶC ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Tên cổ đông:

Mã Cổ đông:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số:

Địa chỉ:

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu:

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP

2. ỦY QUYỀN CHO ÔNG/BÀ DƯỚI ĐÂY

Ông/Bà:..... Mã số cổ đông (nếu có)

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số:..... cấp ngày.....tại.....

Địa chỉ:

Số cổ phần ủy quyền:

Nội dung ủy quyền:

- Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền số lượng cổ phần sở hữu của mình và/hoặc của bên ủy quyền cho người khác, và phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu khi đi dự họp.
- Nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức.
- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền Bản chính và có chữ ký sống của hai bên, nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức Đại hội đồng cổ Đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng kết thúc.

Ngày tháng năm 2018

Cổ đông/Bên ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Bên nhận ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



ISO 9001: 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng - Huyện Phục Hoà - Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại: 0206.3824121 - Fax: 0206.3824113
Mã số thuế: 4800104012

Số: 477 /BC-HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NIÊN VỤ 2017-2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NIÊN VỤ 2018-2019
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên)

Kính thưa các cổ Đông.

Kính thưa các quý vị đại biểu.

- Căn cứ điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
- Căn cứ nghị quyết đại hội cổ đông của công ty ngày 30 tháng 10 năm 2017
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh niên vụ 2017-2018 của công ty.

Hội đồng quản trị xin báo cáo kết quả hoạt động niên vụ 2017- 2018 và kế hoạch niên vụ 2018-2019 như sau:

I/. Kết quả thực hiện nhiệm vụ 2017- 2018

1. Nhân sự thành viên hội đồng quản trị

Theo qui định tại điều lệ hoạt động công ty cp mía đường cao bằng. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-1020 là 05 người, đến năm 2017-2018 hoạt động của thành viên hội đồng quản trị đủ 05 người, không có miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên.

2. Tình hình hoạt động của hội đồng quản trị

2.1. Tình hình chung:

Niên vụ 2017-2018 là một năm khó khăn cho ngành đường thế giới nói chung và ngành đường việt nam nói riêng. Giá đường giảm sâu do tình hình dư cung lớn giá bán buôn đường kính trắng giảm khoảng 30% -40% so với vụ trước. Do áp lực bỏ hạn ngạch nhập khẩu, giảm thuế nhập khẩu về 5%, áp lực đường nhập lậu, đường lỏng có thuế suất 0% từ Trung Quốc, Hàn Quốc. Tuy hiệp định thương mại hàng hóa khối (ASEAN ATIGA) đối với mặt hàng đường kính gia hạn đến hết năm 2019 nhưng cũng không giảm được khóa khăn cho ngành mía đường trong nước.

Sản lượng mía: Cả nước so với vụ trước: Tổng diện tích mía là 241.407 ha; tăng 10,39% ; Tổng sản lượng mía: 15.430.648 tấn, tăng 16,85% so; Năng suất mía bình quân 63,9 tấn/ha tăng 2,24%.

Giá thu mua mía ép niên vụ 2017-2018 giao động từ 850.000-1.000.000đ/tấn mía 10 CCS. Giảm từ 150.000 - 200.000 đồng/tấn so với vụ trước tùy theo từng nhà máy.

Sản lượng đường Cả nước: có 37/41 nhà máy đường hoạt động. Trong đó 4 nhà máy tạm ngừng hoạt động; tổng công suất thiết kế là 153.379 TMN, công suất thực tế khoảng 136.000 TMN. Kết thúc vụ sản lượng đường đạt 1,476 triệu tấn, tăng 19,17%

2.2. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

a/ Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

1.1. Về phát triển vùng nguyên liệu:

Thực hiện Quyết định số: 1839/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc Phê duyệt bổ sung quy hoạch vùng trồng mía nguyên liệu giai đoạn 2012-2015; HĐQT đã kịp thời ban hành các chính sách phù hợp với từng giai đoạn để ổn định và mở rộng phát triển vùng nguyên liệu mía; Đầu tư mía giống mới có năng suất, chữ đường cao (hiện đang trồng khảo nghiệm giống KK3), tiếp tục đầu tư phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, trừ cỏ, máy cày nhỏ... cho các hộ trồng mía bằng phương thức ứng trước không tính lãi. Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện trồng và chăm sóc cây mía theo quy trình kỹ thuật, trồng mía theo mô hình trồng luân canh.

Về giá thu mua mía: Mặc dù có rất nhiều khó khăn, giá đường trong nước liên tục giảm sâu. Nhưng Công ty vẫn thực hiện nghiêm túc Hợp đồng thu mua, với các mức giá đã công bố tại ruộng là 1.000.000 đ/tấn; tại Nhà máy là 1.080.000 đ/tấn.

1.2. Về sản xuất chế biến.

1.2.1. Đối với đường kính: Trong năm đã đẩy mạnh đầu tư cải tạo nâng cấp, bổ sung thiết bị hệ thống thiết bị xướng mía cho xe công nông, thiết bị lắng nhanh nước mía sau lọc, hệ thống thiết bị làm đường vàng, hệ thống thiết bị sấy khô đường. Nhằm nâng cao hiệu suất chế biến, Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. đảm bảo công suất chế biến đạt 1.800 tấn mía/ngày. Tổng sản lượng đường nhập kho niên vụ là **16.394,8** tấn, Trong đó: Đường Trắng: 13.143,6 tấn; đường Vàng: 3.251,2 tấn

Sản phẩm đường kính trắng đạt tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam TCVN 7968: 2008; Sản phẩm đường kính Vàng đạt tiêu chuẩn cơ sở. Đã được bộ công thương cấp chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực năm 2018.

1.2.2. Về sản xuất phân bón Vi sinh: Tiếp tục đầu tư thêm 01 máy xúc ... cải thiện điều kiện làm việc, giảm sức lao động thủ công; do vậy năng lực sản xuất đã được nâng lên, sản phẩm làm ra đa dạng về chủng loại, đạt yêu cầu chất lượng đăng ký. Sản lượng Tiêu thụ: 1.110,12 tấn đạt 74% so với chỉ tiêu kế hoạch.

1.2.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu nghị quyết đại hội 2017:

Chỉ tiêu	Đ.Vị tinh	Nghị quyết	TH Vụ 2017-2018
1. Sản lượng mía ép đạt 108,1%	Tấn	150.000	162.172
2. Tổng sản lượng đường kính đạt 100,55%	Tấn	16.304	16.394,8
<i>Trong đó: Đường Trắng</i>	Tấn		<i>13.143,6</i>
<i>Đường Vàng</i>	Tấn		<i>3.251,2</i>
3. Sản lượng mật ri đạt: 99,02%	Tấn	6.250	6.189
4. Sản lượng phân bón VS đạt: 63,6%	Tấn	1.800	1.146
5. Tổng doanh đạt 92,29 %	Tr. đồng	234.209	216.301
6. Lợi nhuận từ SXKD đạt: 0%		8.000	-33.287
7. Lợi nhuận sau thuế đạt: 0 %	Tr. đồng	6.400	-33.287
8. Tỷ lệ chia Cổ tức Đạt %	%		0

1.2.4. Công tác Đầu tư XDCB và thiết bị .

Trong năm đã đầu tư các hạng mục sau:

- Xây dựng cơ bản:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

1. Móng băng tải xuống mía xe công nông	0,233
2. Bể lắng tro 440 m ³	1,003
3. Móng thùng mật rỉ 1,200 m ³	1,179
4. Nhà vệ sinh số 1	0,674
Cộng phần XDCB	3,090

- Máy móc, thiết bị:

1. Hệ thống băng tải xuống mía xe CN - 1 HT	0,956
2. Bộ tự động điều tốc băng tải sắt 1 - 1 bộ	0,372
3. Hệ thống lắng nhanh nước mía - 1 HT	2,160
4. Thùng mật rỉ 1.200 m ³	1,822
5. Máy in ngày tháng thành phẩm - 1 bộ	0,088
6. Máy xúc đào Hyundai ROBEX 55w - 1 cái	0,727
7. Tủ điều khiển hệ thống cân đóng bao:1 cái	0,103
8. Tủ biến tần động cơ máy ép 220 kw:1 tủ	0,360
9. Thiết bị đo lưu lượng nước cấp - 1 cái	0,120
10. Máy xúc lật hiệu AOLITE - 1 cái	0,163
11. Băng tải di động kho TP	52
Cộng phần thiết bị	6,924

b/ Về các mặt công tác khác

1. Về quản lý lao động

Công ty luôn quan tâm tuyển dụng, đào tạo, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, khuyến khích sự phấn đấu, đóng góp của người lao động vào mục đích phát triển của Công ty. Chất lượng đội ngũ cán bộ CNV lao động ngày càng được nâng cao, thông qua việc đánh giá năng lực hàng năm, rà soát lại đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị, quy hoạch, đào tạo cán bộ phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.

2. Quản lý chất lượng:

Hiện nay đang áp dụng thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015, trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn giám sát và quả chế chắc chỉ tiêu đề ra. các quy trình làm việc được bổ sung có Hiệu quả, chất lượng công việc được nâng lên.

3. Về quản lý môi trường

Công tác xử lý nước thải, rác thải công nghiệp, kho chứa hóa chất... bảo vệ môi trường được HĐQT đặc biệt quan tâm tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, đảm bảo toàn bộ nước sau khi phục vụ công tác sản xuất chế biến đường đều được xử lý theo đúng qui định trước khi xả ra môi trường. Các chất thải có yếu tố độc hại nguy hiểm đều được tiêu hủy đúng theo qui định của cơ quan chức năng.

4. Về công tác xã hội

Công ty luôn tham gia đóng góp đầy đủ các quỹ : an ninh quốc phòng, Quỹ nông dân, khuyến học, ủng hộ các địa phương khi gặp thiên tai...

5. Lựa chọn công ty kiểm toán

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc để kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2017- 2018.

2.3. Hoạt động của hội đồng quản trị

Trong năm qua HĐQT đã thực hiện họp định kỳ và kỳ đột xuất để giải quyết, xử lý công việc được kịp thời. Tại các kỳ họp HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của kỳ trước, xác định nhiệm vụ, đưa ra các chủ trương, giải pháp thực hiện nhiệm vụ của kỳ sau.

***Các kỳ họp của HĐQT trong năm qua:**

1. Kỳ họp thứ nhất (số 06/2017)

Ngày 26/10/2017 HĐQT đã xem xét thống nhất thông qua các nội dung:

Các nội dung đã được nhất trí :

1.1. Thống nhất mua hồ sơ tham gia đấu giá:” Quyền sử dụng đất 02 lô đất dãy A thuộc lô số 20 khu đô thị mới Đề Thám, phường Đề Thám, TP. Cao Bằng”.

1.2. Thông qua Kịch bản Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.

2. Kỳ họp thứ hai (số 07/2018)

Ngày 06/06/2018 HĐQT đã xem xét thống nhất thông qua các nội dung:

Các nội dung đã được nhất trí :

2.1. Thống nhất xin chủ trương của UBND tỉnh cho phép Công ty hợp tác với công ty TNHH Xuất nhập khẩu Cửu Liên, Long Châu, Trung Quốc đầu tư vùng nguyên liệu mía (đầu tư giống mía Quế đường 42,43).

2.2. Thống nhất chủ trương đầu tư xây mới kho thành phẩm .

2.3. Thống nhất đầu tư Hệ thống tủ biến tần cho các máy ép 1,2,3

2.4. Thống nhất đền bù giải phóng phần đất còn lại cho ông Thành, ông Tin. Đổi vị trí đất và đền bù (xây lại) nhà cho bà Tâm.Chuyên mục đích sử dụng đất khu dân cư sang làm bãi tập kết xe chở mía.

2.5. Thống nhất chủ trương bán lô đất của Công ty tại phường Ngọc Xuân TP. Cao Bằng.

2.6. Thống nhất hàng tháng tiêu thụ 1.000 tấn đường theo hình thức bán theo lô. Nếu thị trường thuận lợi trong tháng 7/2018 sẽ bán nhiều hơn mức 1.000 tấn/tháng.

3. Kỳ họp thứ ba (số 08/2018).

Ngày 29/08/2018 HĐQT đã xem xét thống nhất thông qua nội dung:

Nội dung đã được nhất trí :

3.1. Nhất trí bán lô đất của Công ty tại phường Ngọc Xuân, TP Cao Bằng cho ông Châu với giá trị là: 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng).

3.2. Thông qua Hợp đồng đầu tư xây dựng mới kho thành phẩm (HĐ số: 26/2018 ngày 01/08/2018 giữa CTY.CPMĐ Cao Bằng và HTX Ngôi sao sáng). Tổng diện tích nhà: 717 m2. Tổng giá trị Hợp đồng: 1.256.793.000 đồng.

3.5. Nhất trí mua lại đất của ông Thành, ông Tin tại khu đất được UBND tỉnh quy hoạch làm khu dân cư của Công ty nay chuyển sang làm bãi đỗ xe chở mía. Lô đất của ông Thành ở vị trí 2 với diện tích là 90 m2 thành tiền là: 220 triệu đồng. Lô đất của ông Tin ở vị trí 1 với diện tích là 100 m2 thành tiền là: 350 triệu đồng .

3.6. Thống nhất chủ trương kế hoạch sản xuất đường niên vụ 2018-2019. Sản lượng mía trực tiếp sản xuất: 160.000 tấn (50% sản xuất đường trắng; 50% sản xuất đường vàng). Quá trình sản xuất chia làm 02 giai đoạn; sản xuất đường Trắng trước, đường Vàng sau. Giá thu mua mía ép cao nhất là 900 đồng/kg. Thời gian vào vụ sản xuất: Cuối tháng 11 đầu tháng 12

3.7. Yêu cầu Xí nghiệp Vi sinh báo cáo kết quả thực hiện giá thành của từng loại sản phẩm do XN sản xuất vụ 17-18. Xây dựng KHSX cho từng loại sản phẩm vụ 18-19 trình HĐQT xem xét, quyết định lựa chọn.

4. Kỳ họp thứ tư (số 09/2018)

Ngày 24./10/2018 HĐQT đã xem xét thống nhất thông qua các nội dung :

Các nội dung đã được nhất trí :

4.1. Thông qua công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

4.2. Thông qua phương án chuyển đổi sản xuất phân bón: Giải thể Xí nghiệp phân bón hữu cơ vi sinh. Thành lập Tổ sản xuất phân hữu cơ

*** Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT.**

1. Trong năm 2017- 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, để thường xuyên đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty. Ban hành 05 Nghị quyết nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, đưa ra các giải pháp chỉ đạo hợp lý nhằm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã giao.

2. Trong quá trình hoạt động HĐQT đã phối hợp tốt giữa các đơn vị: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, tổ chức Đảng, tổ chức đoàn thể, để thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành các hoạt động của Công ty; thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Thực hiện đầu tư

Xây dựng vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững theo diện tích đã được qui hoạch, từng bước đưa cơ giới hoá vào sản xuất cây mía, đảm bảo sản lượng mía nguyên liệu cung cấp đủ cho nhà máy hoạt động theo công suất nhà máy.

Đầu tư thiết bị dây truyền theo chiều sâu, cải tạo, đổi mới thiết bị, để nâng cao hiệu suất ép, hiệu suất tổng thu hồi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định, cải thiện Điều kiện làm việc và đời sống của người lao động, tạo sự gắn bó của CBCNV lao động với Công ty; Các hoạt động của Công ty đã đi vào nề nếp và có hiệu quả và đóng góp ngân sách nhà nước.

2.4. Hoạt động giám sát của hội đồng quản trị với ban điều hành

1. HĐQT đã thực hiện tốt việc phân công phụ trách công tác giám sát cho từng thành viên HĐQT, giám sát hoạt động ban điều hành và các lĩnh vực hoạt động của công ty, trong công tác triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của TGD, Ban TGD.

2. Niên độ 2017-2018 TGD, Ban TGD đã tích cực thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các khuyến cáo của BKS, hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ.

2.5. Những hạn chế tồn tại và nguyên nhân:

*** Tồn tại**

- Vùng nguyên liệu mía vẫn còn sản xuất theo tập quán cũ, đầu tư ít; quy mô nhỏ và manh mún; việc trồng và chăm sóc mía theo quy trình kỹ thuật chưa được các nông hộ quan tâm đúng mức. Việc đưa cơ giới vào sản xuất mía còn thấp, chưa phổ biến rộng rãi, chưa thuyết phục được người trồng mía áp dụng các kỹ thuật canh tác theo qui trình kỹ thuật từng bước cơ giới hóa sản xuất mía.

- Thiết bị nhà máy đã cũ, việc đầu tư bổ sung chưa đồng bộ nên chưa đạt yêu cầu về hệ số an toàn thiết bị, tăng hiệu suất thu hồi, về nâng cao chất lượng sản phẩm (độ ẩm, độ màu của sản phẩm đường chưa đạt chỉ tiêu; cuối vụ thường ngả màu, độ ẩm tăng).

- Sản xuất phân bón vi sinh chủ yếu vẫn là lao động thủ công; chi phí nhân công trong giá thành sản xuất còn cao. Lượng phân bón tiêu thụ hàng năm chủ yếu trong vùng nguyên liệu mía, lượng tiêu thụ giảm dần năm sau thấp hơn năm trước. Đến nay chưa xin được giấy phép sản xuất phân bón của bộ ngành nông nghiệp.

- Chưa ra được Nghị quyết chuyên đề về việc xây dựng, phát triển vùng nguyên li mía ổn định, bền vững. Vùng mía có chất lượng, năng suất, chữ đường cao.

*** Nguyên nhân:**

- Việc xây dựng, chương trình kế hoạch công tác đối với công tác xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía còn mang tính định hướng, các dự án còn dàn trải, thiếu tập trung trọng điểm. Chưa có kế hoạch, biện pháp xử lý kiên quyết, kịp thời, dứt điểm những điểm yếu của các mô hình, dự án về trồng mía.

- Việc chuẩn bị các nguồn lực để đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu mía ổn định theo quy hoạch, đáp ứng đủ công suất 1.800 tấn mía ngày với diện tích 3.200 ha còn nhiều hạn chế. Đặc biệt là việc đầu tư các giống mía mới có năng suất, chất lượng cao; thay thế cho các giống mía cũ đã bị thoái hóa.

- Chưa ra được Nghị quyết chuyên đề về việc nâng cao chất lượng đường thành phẩm. Hội đồng khoa học kỹ thuật của Công ty ít hoạt động. Chưa tổ chức được các cuộc họp, hội thảo để đưa ra phương hướng, giải pháp xử lý triệt để các nguyên nhân trong quá trình sản xuất, bảo quản... gây ảnh hưởng đến chất sản phẩm.

II/. Phương hướng nhiệm vụ niên vụ 2018-2019.

1. Nhận định tình hình chung.

- Theo nhận định của tổ chức mía đường quốc tế (ISO) cảnh báo không nên quá lạc quan về giá đường sẽ tăng trở lại. Đồng thời ISO cũng dự báo sản lượng đường thế giới niên vụ 2018-2019 vẫn dư cung.

- Tình hình chống buôn lậu đường từ thái lan vẫn chưa thực hiện được triệt để

Vì vậy để tồn tại và phát triển trong thời gian tới chúng ta phải tìm cách giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

2. Mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2018-2019

1. Diện tích mía nguyên liệu đạt: 3.200 ha trở lên

- Trong đó diện tích trồng mới 1.200 ha

2. Năng suất bình quân đạt : 62 tấn/ ha trở lên

3. Sản lượng mía ép: 160.000 tấn/năm trở lên

4. Tỷ lệ mía/ đường : 9,2 mía/01đường

5. Hiệu suất tổng thu hồi \geq 84,6 %

6. Công suất chế biến thực tế bình quân: 1.650 tấn mía/ngày .

7. Sản lượng đường nhập kho: 17.392 tấn

Trong đó: - Đường Trắng: 8.600 tấn;

- Đường Vàng: 8.792 tấn

8. Sản lượng đường tiêu thụ: 19.100 tấn
*Trong đó: - Đường bao là 17.600 tấn; (Trắng:9.000tấn, Vàng:8.600 tấn)
- Đường túi là 1.500 tấn; (Trắng:1.200tấn, Vàng: 300 tấn)*
9. Sản lượng Mật rỉ tiêu thụ: 6.250 tấn
10. Sản lượng phân hữu cơ tiêu thụ đạt: 4.050 tấn
11. Tổng doanh thu đạt: 265.964 triệu đồng
12. Lợi nhuận trước thuế đạt: 4,6 tỷ
13. Nộp ngân sách Nhà nước: 8 tỷ
14. Cổ tức đạt 0 %/ năm

3. Một số giải pháp thực hiện trong niên vụ 2018-2019

3.1. Bổ sung hoàn thiện các Quy chế sau:

- 3.1.1. Quy chế Hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát.
- 3.1.2. Quy chế quản trị doanh nghiệp.
- 3.1.3. Quy chế Quản lý lao động và qui chế tiền lương, tiền thưởng.
- 3.1.4. Sửa đổi Bổ sung có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

3.2. Về tổ chức quản trị

- 3.2.1. Tiếp tục xem xét bộ máy từ Ban Tổng giám đốc đến các đơn vị, cương vị theo hướng tinh giảm lao động nhưng hoạt động có hiệu quả.
- 3.2.2. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện bộ tiêu chuẩn các chức danh, cương vị gắn với tiêu chuẩn cấp bậc, tiền lương.
- 3.2.3. Hàng năm thực hiện đánh giá năng lực công tác và lấy phiếu tín nhiệm của cán bộ quản lý, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động công khai minh bạch.
- 3.2.4. Giải thể xí nghiệp phân bón vi sinh, Thành lập tổ bã bùn- tro lò để tổ chức thu gom và tiêu thụ bã bùn, tro lò cho vùng nguyên liệu mía.

3.3. Về xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía:

- 3.3.1. Tập trung nguồn lực đầu tư vào khâu giống, cơ giới hóa, kỹ thuật canh tác; triển khai mở rộng diện tích những giống mía mới, mô hình thâm canh đạt năng suất cao.
- 3.3.2. Rà soát diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu mía cho nhà máy, đánh giá khả năng cung cấp nguyên liệu, tiếp tục xây dựng chính sách đầu tư hỗ trợ cho nông dân theo hướng khuyến khích tăng năng suất, chất lượng mía; Đảm bảo xây dựng được vùng nguyên liệu mía phát triển ổn định bền vững.
- 3.3.3. Tập trung triển khai phát triển thêm vùng nguyên liệu mía tại các xã (không thuộc vùng qui hoạch) của huyện Quảng Uyên, theo dọc các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ. Các xã thuộc huyện Thạch An, Trùng Khánh Đảm bảo mục tiêu sản lượng mía hàng năm phải cung cấp cho nhà máy 200.000 tấn.
- 3.3.4. Đẩy nhanh các giải pháp về thay đổi giống mía mới, trên đánh giá kết quả khảo nghiệm các giống như: Giống KK3, ROC 27, QĐ 42, QĐ46, QĐ93-159...
- 3.3.5. Tổ chức tốt công tác đốn chặt vận chuyển, đảm bảo mía chặt xong được chuyển ngay về chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- 3.3.6. Triển khai đề án hợp tác sản xuất và xuất khẩu mía sang Trung quốc. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch xuất khẩu mía ép sang Trung Quốc và nhập khẩu mía giống mới từ trung quốc theo đề án.

3.4. Về Đầu tư thiết bị dây chuyền chế Chế biến:

Tiếp tục thực hiện đầu tư để nâng cao hiệu suất tổng thu hồi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, tận thu phế phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh:

3.4.1. Đầu tư thiết bị: hệ thống tủ điện biến tần cán ép, hệ thống ống nhiệt bốc hơi, kho chứa đường thành phẩm, hệ thống ống bộ hơi quá nhiệt lò hơi, hoàn thiện hệ thống thiết bị sấy khô đường, đảm bảo dây truyền sản xuất ổn định, đáp ứng được yêu cầu đề ra.

3.4.2. Lựa chọn tỷ lệ sản xuất từng loại sản phẩm đường Trắng, đường Vàng phù hợp. để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu suất tổng thu hồi và chất lượng sản phẩm.

3.5. Về Tiêu Thụ sản phẩm.

Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm hợp lý, tạo lập kênh phân phối ổn định thông qua ký kết Hợp đồng các khách hàng truyền thống. Tăng cường thị phần bán tại thị trường các tỉnh lân cận như: bắc cạn, thái nguyên, lạng sơn, Bắc Giang.

3.6. Về tiêu thụ sản phẩm sau đường:

- Mật rỉ tiêu thụ cho khách hàng truyền thống.
- Bã bùn tro lò thu gom, trộn tiêu thụ xuất bán cho các nông hộ trồng mía.
- Bã mía bán cho khách hàng truyền thống đã đầu tư thiết bị sàng và đóng bã./.

Nơi nhận

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu HĐQT, VT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nông Văn Lạc

Số: 476 /BC - MĐ

Cao Bằng, ngày 29 tháng 10 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN VỤ 2017-2018
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN VỤ 2018-2019
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)**

**Phần I
ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

1. Tình hình sản xuất mía đường thế giới niên vụ 2017-2018

- Sản lượng đường thế giới sản xuất đạt 184,17 triệu tấn, tăng 16,31 triệu tấn so với vụ trước. Đường tiêu thụ đạt 175,57 triệu tấn, tăng 4,05 triệu tấn so với vụ trước. (theo ISO)
- Giá đường thế giới giảm mạnh do nguồn cung toàn cầu dư thừa. Giá bán đầu vụ ở mức 390USD/tấn tháng 12/2017 đến tháng 6/2018 giá bán giảm mạnh còn 320 USD/tấn.

2. Tình hình sản xuất mía đường trong nước niên vụ 2017-2018

- Diện tích mía đạt 241,407 ha, tăng 10,39% so với vụ trước (vụ 16-17: 218.682ha)
- Sản lượng mía ép cả nước: 15,43 triệu tấn, đạt 120% so với vụ trước sản lượng đường sản xuất: 1,47 triệu tấn, đạt 119,5% so với vụ trước. Tỷ lệ mía/đường bình quân cả nước là 10,5 mía/đường.
- Năng suất mía bình quân cả nước: 63,9 tấn/ha, tăng 1,3 tấn/ha so với vụ trước. Chứ đường BQ 9,70 CCS tương đương so với vụ trước.
- Về giá bán: Giá đường liên tục giảm, đầu vụ giá bán đường trắng dao động từ 13.500 - 14.500 đồng/kg; cuối vụ chỉ còn 10.400 – 10.700 đồng/kg (giá bán đã có thuế VAT).

3. Tình hình sản xuất công ty CP mía đường Cao Bằng.

3.1. Vùng nguyên liệu mía

- Sản lượng mía tăng hơn so với kế hoạch
- Tổng diện tích mía toàn vùng vụ đông xuân 2017-2018: 3.018 ha, tăng 420,82ha
- Chất lượng mía giảm so với kế hoạch và giảm so với vụ trước.

3.2. Dây truyền sản xuất chế biến đường

- Công tác sửa chữa bảo dưỡng, cải tạo, đầu tư mới một số thiết bị cho dây truyền sản xuất cơ bản đáp ứng được kế hoạch sản xuất.
- Công tác sản xuất chế biến đường hiệu suất tổng thu hồi đạt tăng so với kế hoạch.
- Công suất ép thực tế không đạt do một số thiết bị trên dây truyền bị sự cố nhiều.
- Đầu tư thiết bị lắng nhanh nước lọc bùn. Nên đạt được chỉ tiêu công nghệ sau lắng.
- Sản xuất đường vàng 3000 tấn vào cuối vụ. là năm đầu tiên sản xuất chưa có kinh nghiệm công suất chế biến và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chưa ổn định.
- Công tác quản lý sản xuất và công nghệ thực hiện quản chế theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015

3. 3. Sản xuất phân bón Vi Sinh

- Phân hữu cơ rời được bà con tin dùng nên sản lượng vượt kế hoạch
- Đầu tư thêm máy xúc cho việc sản xuất phân vi sinh.
- Hỗ trợ tiên cước vận chuyển phân bón vi sinh trong vùng nguyên liệu

Phần II KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NIÊN VỤ 2017 – 2018

Biểu 01

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH vụ 2016-2017	KH vụ 2017 - 2018	TH vụ 2017-2018	Tỷ lệ%	
						5/3	5/4
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>		
1	Diện tích SX vụ 15/16	ha	2.597,30	2.800	3.018	116,2	107,8
2	Chỉ tiêu trồng mới	ha	1.223,75	1.100	1.278	104,4	116,2
3	Công suất ép thực tế BQ	TMN	1.814,65	1.750	1.636,26	90,2	93,5
4	Tỷ lệ mía /đường	m/đ	8,81	9,20	9,54	108,3	103,7
5	Chữ đường (CCS) bình quân	%	11,50	11,00	10,73	93,3	97,5
6	SL mía nhập (mía sạch)	tấn	138.019,28	150.000	162.172,35	117,5	108,1
7	Giá thu mua mía	đ/kg	1.041,31	0	1.042	100,1	
8	SL đường nhập kho	tấn	15.688,6	16.304,0	16.394,8	104,5	100,6
	- SL đường trắng	tấn	15.688,6	16.304	13.143,6	83,8	80,6
	- SL đường vàng	tấn			3.251,2		
9	Sản lượng mật rỉ nhập kho	tấn	6.152,600	6.250	6.188,860	100,6	99,0
10	SL phân Vi Sinh NK	tấn	1.930,750	1.800	1.140,090	59,0	63,3
	Sản lượng 2 loại phân vi sinh	tấn	1.535,090	1.500	1.104,020	71,9	73,6
	- Phân hữu đóng bao	tấn	395,660	300	36,070	9,1	12,0
11	Sản lượng đường tiêu thụ	tấn	11.940,247	16.304	16.830,720	141,0	103,2
12	Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	tấn	6.152,600	6.250	5.679,700	92,3	90,9
13	SL P.vi sinh, phân hữu cơ, tro lò TT	tấn	5.946,280	3.500	4.062,067	68,3	116,1
	Sản lượng 2 loại phân vi sinh	tấn	1.625,430	1.500	1.110,120	68,3	74,0
	SL phân hữu cơ đóng bao và không đóng bao	tấn	4.320,850	2.000	2.951,947	68,3	147,6
14	Giá bán bình quân						
	- Sản phẩm Đường	đ/kg	15.244	13.377	11.593	76,0	86,7
	- Mật rỉ	đ/kg	1.809,53	1.809,0	1.857	102,6	102,7
	- Phân Vi sinh	đ/kg	2.637,87	2.900	2.920	110,7	100,7
	- Phân hữu cơ đóng bao	đ/kg	350	430	430	122,9	100,0
	- Phân hữu cơ không đóng bao	đ/kg	190,05	250	248	130,7	99,4
15	DT bán hàng và cung cấp D.Vụ	1000đ	198.444.499	234.308.858	216.301.020	109,0	92,3
	Các khoản giảm trừ DT	1000đ	48.611	0	149.055	306,6	
16	Doanh thu thuần	1000đ	198.395.888	234.308.858	216.151.965	108,9	92,3
17	Giá vốn hàng bán	1000đ	154.371.706	212.014.540	237.060.090	153,6	111,8
18	Lợi nhuận gộp	1000đ	44.024.182	22.294.317	-20.908.125		
19	Doanh thu hoạt động tài chính	1000đ	55.903	0	42.097	75,3	
20	Chi phí tài chính	1000đ	2.680.797	3.966.666	3.109.536	116,0	78,4

	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	1000đ	2.490.223		3.051.985	122,6	
21	Chi phí bán hàng	1000đ	1.276.864	1.162.321	1.377.075	107,8	118,5
22	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1000đ	10.454.293	9.316.883	7.360.438	70,4	79,0
23	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	1000đ	29.668.130	7.848.445	-32.713.078		
24	Thu nhập khác	1000đ	6.115.213	0	7.754.609	126,8	
25	Chi phí khác	1000đ	6.135.241	0	8.329.414	135,8	
26	Lợi nhuận khác	1000đ	-20.230	0	-574.805		
27	Tổng lợi nhuận trước thuế	1000đ	29.648.102	7.848.445	-33.287.883		
28	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1000đ	3.417.378	1.569.689	0		
29	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1000đ	26.230.724	6.278.756	-33.287.883		
30	Nộp NSNN	1000đ	8.513.941	8.000.000	11.644.380	136	145
31	Tổng số LĐ có mặt BQ năm	người	223	383	218	97,8	56,9
32	Thu nhập BQ	1000đ	5.431	5.000	5.609	103,3	112,2

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác vùng nguyên liệu mía

1.1. Phạm vi địa bàn trồng mía.

Vùng nguyên liệu gồm có 04 huyện, 27 xã (thị trấn) và 5.720 hộ trồng mía, tăng 554 hộ so với vụ trước. Tổng diện tích mía toàn vùng là 3.018 ha cụ thể như sau:

- Huyện Phục Hòa gồm có: 09 xã, 101 xóm, 3.069 hộ với diện tích 1.839,34ha.
- Huyện Quảng Uyên gồm có: 12 xã, 111 xóm, hộ với diện tích 1.088,38ha.
- Huyện Thạch An gồm có: 3 xã, 9 xóm, 151 hộ với diện tích 73,4ha.
- Huyện Trùng Khánh gồm có: 2 xóm, 56 hộ với diện tích 17ha.

1.2. Về diện tích, năng suất, chất lượng mía:

Biểu 02

Vùng nguyên liệu mía	Vụ ép 2016 - 2017			Vụ ép 2017- 2018			Vụ ép 2018- 2019		
	Tổng DT (ha)	DT trồng mới (ha)	NS tấn/ha	Tổng DT (ha)	DT trồng mới (ha)	NS tấn/ha	Tổng DT (ha)	DT trồng mới (ha)	Ước NS tấn/ha
1. H. Phục Hòa	1.368,78	578,06	60	1.653,98	782,68	64	1.839,34	785,2	62
2. H. Quảng Uyên	791,29	283,64	60,4	871,77	410,49	63	1.088,38	454,28	63
3. H. Thạch An	63,32	195	55	66,22	25,53	54	73,4	26,89	61
4. Trùng Khánh				5,35	5,05	53	17	11,95	57
Cộng toàn vùng	2.223,39	880,75	60	2.597,3	1.223,75	63	3.018,12	1.278,3	62

- Diện tích mía cho vụ ép 2017- 2018 là 2.597,3 ha, đạt 99,89% so với kế hoạch (KH 2.600 ha), đạt 117% so với vụ 2016-2017 là: 2.223,39 ha.

- Diện tích mía cho vụ ép 2018 - 2019 là 3.018 ha, tăng 420,7ha so với niên vụ trước (vụ trước là 2.597,3 ha) trong đó: mía gốc 1: 1.219,63 ha; mía gốc 2, gốc 3: 520,2ha, trồng mới là 1.278,3 ha.

- Năng suất mía vụ 2017-2018 đạt 62 tấn/ha, đạt 105% so với vụ 2016-2017 là 60 tấn/ha.

- Chất lượng mía: chữ đường bình quân 10,73CCS, 97,54% so với KH (KH 11 CCS), đạt 93,3% so với vụ 2016-2017 là 11,5 CCS.

1.3. Về sản lượng mía:

Biểu 03

Vùng nguyên liệu mía	SL mía vụ 2016 - 2017 (tấn)	SL mía vụ 2017- 2018		Ước SL mía vụ 2018 -2019	
		Sản lượng (tấn)	Tỉ lệ % so với vụ 16/17	Sản lượng (tấn)	Tỉ lệ % so với vụ 17/18
1	2	3	4	5	6
H. Phục Hòa	90.326	105.126,97	116,4	114.018	108,45
H. Q. Uyên	44.821	54.524,35	121,6	68.544	125,71
H. Thạch An	4.190	3.777	90,14	4.514	119,5
H. Trùng Khánh	22	283,65	1.289	969	341,6
H. Hạ Lang	31				
Cộng toàn vùng	139.390	163.712	117,45	188.045	115

- Sản lượng mía vụ 2017-2018 là 163.712 tấn, đạt 109,11% so với KH (KH 150.000 tấn), đạt 118,6% so với vụ trước (vụ trước 138.019,28 tấn). Trong đó mía ép sản xuất đường 157.183 tấn, mía xuất khẩu 4.989 tấn; Sản lượng mía giống là 1.539 tấn.

- Sản lượng mía ước vụ ép 2018-2019: 188.000 tấn trong đó mía đưa vào sản xuất 160.000 tấn, xuất khẩu 28.000 tấn.

1.4. Công tác thu mua mía:

- Giá mua mía BQ 1.042đ/kg, trong đó tại ruộng 1.000đ/kg, tại nhà máy 1.080đ/kg

- Công tác thanh toán: Công ty thanh toán tiền mua mía cho các nông hộ qua tài khoản Ngân hàng cơ bản theo quy định, cuối vụ công tác thanh toán tiền mía cho nông dân không kịp thời do đường khó tiêu thụ nên không đủ tiền để thanh toán.

1.5. Cơ cấu giống mía:

Giống mía mới có diện tích là 2.763,38ha/ 3.018,12 ha chiếm 91,56% toàn vùng, giống mía cũ là 49,61ha/3.018,12 ha, chiếm 1,64% (giống mía ROC 22 chiếm tỷ trọng cao)

2. Công tác sản xuất chế biến đường:

2.1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

Biểu 04

T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện vụ 16/17	Vụ 2017 - 2018		Tỷ lệ %	
				KH	TH	3/1	3/2
			1	2	3		
1	Trọng lượng mía qua cân	tấn	139.433		163.850,9	117,51	
	<i>TL mía qua cân tại NM</i>	<i>tấn</i>			<i>158.753,6</i>		
	<i>TL mía qua cân xuất TQ</i>	<i>tấn</i>			<i>5.097,33</i>		
3	Trọng lượng mía sạch	tấn	138.019	150.000	162.172	117,50	108,11
	<i>TL mía sạch tại NM</i>	<i>tấn</i>			<i>157.127</i>		
	<i>TL mía sạch xuất TQ</i>	<i>tấn</i>			<i>4.989</i>		
4	Chữ đường BQ (CCS)	%	11,5	11,0	10,73	93,30	97,55
5	Công suất ép mía BQ	t/ngày	1.663	1.654	1.521	91,48	91,97
6	Công suất ép thực tế BQ	t/ngày	1.814,65	1.750	1.636,26	90,17	93,50
7	Tổng lượng đường nhập kho	tấn	15.688,60	16.304	16.394,80	104,5	100,56
	<i>Đường trắng</i>	<i>tấn</i>	<i>15.688,60</i>	<i>13.304</i>	<i>13.143,60</i>	<i>83,78</i>	<i>98,79</i>

	<i>Đường vàng</i>	<i>tấn</i>		3.000	3.251,20		108,4
8	Mật rỉ	<i>tấn</i>					
	Trọng lượng mật rỉ	<i>tấn</i>	6.152,60	6.250	6.188,86	100,59	99,02
	Tỷ lệ mật rỉ so với mía	%	4,17	4,17	3,89	93,29	93,29
	AP mật rỉ	%	29,32	30	31,76	108,32	105,87
9	Hiệu suất chế biến						
	Hiệu suất ép	%	96,3	95,2	95,7	99,43	100,56
	Hiệu suất thu hồi CL	%	88,11	87,50	88,22	100,12	100,82
	Hiệu suất tổng thu hồi	%	84,83	83,30	84,45	99,55	101,38
	Tỷ lệ mía / đường	m/đ	8,81	9,2	9,54	108,29	198,75
10	Tồn thất						
	Tồn thất theo bã	%	3,72	4,80	4,27	114,78	88,96
	Tồn thất theo bùn	%	1,13		1,78	157,52	
	Tồn thất theo mật rỉ	%	7,66		8,69	113,45	
	Tồn thất không xác định	%	2,65		0,81	30,57	
	Tổng tồn thất	%	15,16	16,70	15,55	102,57	93,11
	Số tấn đường tồn thất	tấn	2.794,13		3.015,81	107,93	
11	Vật tư chủ yếu tiêu hao.						
	Lưu huỳnh	kg	74.700	105.978	80.639	107,95	76,09
	Vôi cục	kg	196.728	260.870	257.990	131,14	98,90
	Củ đốt lò	m ³	285	326	263	92,40	80,93
	Điện mua	kw/h	116.664	163.043	120.817	103,56	74,10
	A-xít H3PO4	kg	19.880	32.609	23.310	117,25	71,48
	Bao bì	bộ	312.534	327.717	328.624	105,15	100,28
	Nước tẩy rửa vô cơ MD	lít	25.620	32.608	30.450	118,85	93,38

2.2. Thời gian sản xuất chế biến đường

2.2.1. Thời gian sản xuất

- Vụ sản xuất 2017- 2018 bắt đầu từ ngày 05/12/2017, kết thúc ngày 13/4/2018
- Số ngày sản xuất: 122 ngày, Tăng 19,29 ngày so với kế hoạch (KH 102,71 ngày)
- Số ngày ép mía 104,36 ngày, tăng 13,65 ngày so với kế hoạch (KH 90,71 ngày); tăng 21,59 ngày so với vụ trước (Vụ 2016-2017 là 82,77 ngày).
- Số giờ ngừng ép là: 815^h53' tương đương 34 ngày, trong đó: thời gian ngừng do thiết bị là 170,82 giờ; thời gian ngừng nghỉ định kỳ là 140,59 giờ; thời gian nghỉ chờ mía là 282,83 giờ và ngừng do nguyên nhân khác là 5,23 giờ; thời gian nghỉ tết là 216 giờ.

2.2.2. Thực hiện các chỉ tiêu kỹ thuật vụ ép 2017- 2018 (xem biểu số 4)

- Sản lượng đường nhập kho 16.394,8 tấn, đạt 100,55% so với kế hoạch (KH 16.304 tấn), đạt 104,5% so với vụ 2016-2017 là 15.688,6 tấn). Trong đó: đường trắng 13.143,6 tấn, đường vàng 3.251,2 tấn.
- Hiệu suất tổng thu hồi 84,45%, đạt 101,4% so với kế hoạch (KH 83,30%), đạt 99,55% so với vụ trước (vụ 2016-2017 là 84,83%).
- Tỷ lệ mía/đường là 9,54 chưa đạt (lớn hơn 3,69%) so với chỉ tiêu (KH 9,2)
- Tổng tồn thất 15,55%, đạt 93,11% so với kế hoạch (KH 16,7%)
- Sản lượng mật rỉ sản xuất 6.188,86 tấn, đạt 99,02% kế hoạch (KH 6.250 tấn), đạt 101% so với vụ trước.

- AP mật rỉ là 31,76 đạt 106% so với kế hoạch (KH < 30), đạt 108,32% so vụ trước.

3. Giá thành sản xuất sản phẩm đường kính trắng niên vụ 2017 - 2018

Biểu 05

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	ĐVT	TH VỤ 16-17	KH VỤ 17-18	TH VỤ 17-18	Tỷ lệ %	
		1	2	3	4	4/2	4/3
1	Chi phí nguyên nhiên vật liệu	1000đ	153.985.064	167.769.431	174.935.918	113,1	104,27
2	Chi phí nhân công trực tiếp	1000đ	10.615.875	11.231.752	12.302.375	115,89	109,53
3	Chi phí sản xuất chung	1000đ	29.189.445	28.266.456	25.760.243	88,25	91,13
	Tổng chi phí tính giá thành SX	1000đ	193.790.384	207.267.639	212.998.536	109,9	102,76
4	Chi phí hoạt động tài chính	1000đ	2.680.797	3.966.666	3.109.537	115,99	78,39
5	Chi phí bán hàng	1000đ	1.195.427	1.162.321	1.377.075	115,20	118,48
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1000đ	10.360.544	9.316.883	7.360.438	71,04	79,00
	Tổng chi phí tính giá thành toàn bộ	1000đ	208.027.152	221.713.509	224.845.586	108,08	101,41
7	Tổng sản phẩm đường nhập kho	tấn	15.688,60	16.304	16.394,80	104,50	100,56
8	Giá thành SX 01 đơn vị SP đường	đồng	12.352	12.713	12.992	105,18	102,20
9	Giá thành toàn bộ 01 đơn vị SP đường	đồng	13.260	13.599	13.714	103,43	100,85

- **Giá thành sản xuất:** Giá thành đơn vị sản phẩm tăng 2% so với kế hoạch ứng với số tiền là 5.731 triệu đồng do chi phí nguyên nhiên vật liệu chính, chi phí nhân công, tỷ lệ mía/đường tăng so với kế hoạch.

+ Chi phí nguyên vật liệu tăng 4,27% ứng với số tiền là 7.166 triệu đồng chủ yếu do sản lượng mía tăng so với kế hoạch từ 150.000 tấn lên 157.183 tấn

+ Chi phí nhân công trực tiếp tăng 9,53% ứng với số tiền là 1.071 triệu đồng do sản lượng đường nhập kho tăng nên chi phí nhân công tăng.

- **Giá thành toàn bộ:** Chi phí tính giá thành toàn bộ tăng 1,41% so với kế hoạch do giá thành sản xuất, chi phí bán hàng tăng.

+ Giá thành sản xuất tăng : 5.731 triệu đồng

+ Chi phí bán hàng tăng 214,7 triệu đồng

+ Chi phí tài chính giảm 21,61% so với kế hoạch với số tiền là 857 triệu đồng

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 21% so với kế hoạch ứng với số tiền là 1.956 triệu đồng.

- **Lợi nhuận:** Lợi nhuận sau thuế (lỗ) do giá đường liên tục giảm kể từ đầu đã phải bán đường với giá thấp, gần sát với đường nhập lậu từ Thái Lan nên giá bán bình quân đạt 11.593đ/kg, giảm 1.784đ/kg so với kế hoạch,

4. Giá thành sản xuất phân Vi sinh niên vụ 2017- 2018

Biểu 06

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	ĐVT	TH VỤ	KH VỤ	TH VỤ	Tỷ lệ %
----	-------------------	-----	-------	-------	-------	---------

		1	16-17	17-18	17-18		
			2	3	4	4/2	4/3
1	Chi phí nguyên nhiên vật liệu	1.000đ	1.899.762	1.958.600	1.535.089	80,80	78,38
2	Chi phí nhân công trực tiếp	1.000đ	1.210.426	1.455.123	931.339	76,94	64,00
3	Chi phí sản xuất chung	1.000đ	430.543	794.491	308.196	71,58	38,79
	Tổng chi phí tính giá thành SX+ NPK	1.000đ	3.540.731	4.208.214	2.774.624	78,36	65,93
4	Chi phí bán hàng	1.000đ	0	0	70.536		
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.000đ	0		60.958		
	Tổng chi phí tính giá thành toàn bộ	1.000đ	3.540.731	4.208.214	2.906.118	82,08	69,06
6	Tổng sản phẩm 2 loại phân vi sinh	tấn	1.535,090	1.500	1.104,020	71,92	73,60
7	Giá thành SX 01 đ.vị SP	đ/kg	2.307	2.805,48	2.513	108,9	89,58
8	Giá thành toàn bộ.	đ/kg	2.307	2.805,48	2.632	114,1	93,83

- Tổng chi phí tính giá thành sản phẩm giảm 6,17% so với kế hoạch do chi phí nguyên nhiên vật liệu giảm 21,62%, chi phí nhân công trực tiếp giảm 36%, chi phí sản xuất chung giảm 61,21%.

- Về sản lượng phân Vi sinh nhập kho 1.104,02 tấn, trong đó: loại 5-5-2: 490,75 tấn, loại 3-2-2: 613,27 tấn, đạt 73,6% so với chỉ tiêu kế hoạch (KH 1.500 tấn), đạt 72% so với vụ trước (vụ 2016-2017 là 1.535,09 tấn)

5. Công tác tiêu thụ sản phẩm

5.1. Công tác tiêu thụ đường:

Sản lượng đường tiêu thụ là 16.830 tấn, trong đó đường của vụ 2017-2018 là 12.177 tấn; của vụ 2016-2017 là 4.653 tấn, đạt 103% so với kế hoạch, đạt 141% so với vụ trước. Chi tiết bán như sau:

- Sản lượng đường bán CHTP 470 tấn, đạt 71% so với vụ 2016-2017: 665 tấn
- SL đường bán qua các nhà phân phối (nội tỉnh, ngoại tỉnh) là 776 tấn, đạt 193% so với vụ 2016-2017: 402 tấn
- Sản lượng đường bán lẻ 1.430 tấn, đạt 189% so với vụ 2016-2017: 755 tấn.
- SL đường bán buôn 14.154 tấn, đạt 140% so với vụ 2016-2017: 10.118 tấn

5.2. Công tác tiêu thụ phân vi sinh, phân hữu cơ

- Sản lượng phân Vi Sinh tiêu thụ là 1.110,12 tấn, đạt 68,3% so với vụ trước.
- SL phân hữu cơ tiêu thụ 2.952 tấn, đạt 68,32% so với trước (vụ 2016-2017: 4.321 tấn)

6. Công tác Tài chính - kế toán

6.1. Công tác huy động vốn, sử dụng vốn cho hoạt động SXKD

- Huy động vốn lưu động	: 246,124 tỷ đồng
+ Vay ngân hàng Phục Hoà	: 68,000 tỷ đồng.
+ Vay từ cá nhân:	6,600 tỷ đồng
+ Từ doanh thu bán hàng	: 171,524 tỷ đồng
- Sử dụng vốn lưu động	: 246,124 tỷ đồng

+ Trả tiền mua mía ép + Mía giống	: 161,072 tỷ đồng
+ Thanh toán cước V/c ME + MG	: 3,414 tỷ đồng
+ Mua vật tư, TB, nguyên vật liệu SX	: 29,125 tỷ đồng
+ Mua phân bón thuốc trừ cỏ đầu tư VNLM	: 5,432 tỷ đồng
+ Trả tiền lương, tạm ứng lương cho người lao động	: 13,777 tỷ đồng
+ Nộp BHXH, BHYT, KPCĐ cho người lao động	: 7,835 tỷ đồng
+ Nộp ngân sách Nhà nước	: 11,875 tỷ đồng
+ Trả lãi tiền vay ngân hàng	: 4,194 tỷ đồng
+ Các khoản chi phí thường xuyên	: 9,400 tỷ đồng

6.2. Công tác thanh toán đầu tư XDCB, mua mới thiết bị

- Xây dựng cơ bản: Trong năm đã thanh quyết xong các hạng mục đầu tư:

	<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng</i>
1. Móng băng tải xuống mía xe công nông	0,233
2. Bể lắng tro 440 m ³	1,003
3. Móng thùng mật rỉ 1,200 m ³	1,179
4. Nhà vệ sinh số 1	0,674

Cộng phần XDCB 3,090

- Máy móc, thiết bị mua mới, lắp đặt hoàn thành:

1. Hệ thống băng tải xuống mía xe CN - 1 HT	0,956
2. Bộ tự động điều tốc băng tải sắt 1 - 1 bộ	0,372
3. Hệ thống lắng nhanh nước mía - 1 HT	2,160
4. Thùng mật rỉ 1.200 m ³	1,822
5. Máy in ngày tháng thành phẩm - 1 bộ	0,088
6. Máy xúc đào Hyundai ROBEX 55w - 1 cái	0,727
7. Tủ điều khiển hệ thống cân đóng bao: 1 cái	0,103
8. Tủ biến tần động cơ máy ép 220 kw: 1 tủ	0,360
9. Thiết bị đo lưu lượng nước cấp - 1 cái	0,120
10. Máy xúc lật hiệu AOLITE - 1 cái	0,163
11. Băng tải di động kho TP	52

Cộng phần thiết bị 6,924

6.3. Công tác thanh toán khác:

- Các khoản giao dịch thanh toán chủ yếu thanh toán qua Ngân hàng như: thu tiền bán hàng; chi trả tiền mía; thanh toán tiền mua vật tư, thiết bị; chi trả tiền lương; nộp ngân sách; nộp tiền BHXH....đảm bảo an toàn, hạn chế sử dụng tiền mặt.

- Tổng các khoản thu phát sinh trong năm là 353,878 tỷ đồng, trong đó: thu qua ngân hàng là 334,753 tỷ đồng chiếm 94,59%/ tổng thu; thu bằng tiền mặt là 19,125 tỷ đồng chiếm 5,41%/tổng thu.

- Tổng các khoản chi phát sinh trong năm là 368,622 tỷ đồng, trong đó: chi qua ngân hàng là 360,502 tỷ đồng chiếm 97,79%/ ; chi bằng tiền mặt là 8,120 tỷ đồng chiếm 2,21%/.

6.4. Công tác thu mua, thanh toán tiền mía, thu hồi nợ vốn đầu tư ứng trước.

6.4.1. Công tác mua mía, thanh toán tiền mía:

- Tổng số hộ bán mía cho Công ty là 5.076 hộ, số hộ thanh toán tiền mía qua ngân hàng là 5.007 hộ chiếm 98,64%/tổng, số hộ thanh toán tiền mặt là 69hộ chiếm 1,36/tổng.
- Nhập mía nguyên liệu: Số lượng (đã trừ tạp chất) 162.172,21 tấn, trị giá: 168.950,98 tr.đồng, giá mua mía BQ 1.042 đ/kg
- Nhập mía giống: Số lượng 1.539 tấn, trị giá: 2.148,86 tr.đồng, giá mua BQ 1.395,55đ/kg.
- Công tác thanh toán tiền mía đến ngày 30/6/2018 là 171.099,09 tr.đồng đạt 100%

6.4.2. Thu hồi công nợ vốn đầu tư ứng trước VNL mía tính đến ngày 30/06/2018

- Số tiền phải thu: 10.035.150.485, đồng
- Số tiền đã thu : 10.013.920.135 đồng
- Số còn nợ: 21.230.350 đồng.
- Tỷ lệ thu hồi nợ vốn đầu tư tại ngày 30/06/2018 đạt 99,79%.

6.4.3. Đầu tư vùng nguyên liệu vụ ĐX 2017-2018 tính đến ngày 30/6/2018:

Số tiền đầu tư bao gồm mía giống phân bón, thuốc trừ cỏ, máy cày nhỏ với số tiền là **10.974.050.965** đồng (bao gồm cả đầu tư vụ 2017-2018 và nợ cũ)

6.5. Tiền lương, BHXH của người lao động.

- Tổng số tiền lương đã chi bao gồm: lương trong vụ, ngoài vụ sản xuất lương khoán sửa chữa bảo dưỡng, lương xí nghiệp phân bón, lương phòng nguyên liệu là: 15.685.985.905đ
- Tiền lương bình quân người/tháng là: 5.609.404 đồng

6.6. Nộp ngân sách nhà nước là: 11.644,38 tr.đồng đạt KH (8.000,0 tr.đ) Bao gồm: Nộp thuế VAT, thuế TNDN, thuế nhập khẩu, thuế SD đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất.

7. Công tác khác

7.1. Tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bố trí lao động

- Ban hành định biên lao động, đơn giá tiền lương và qui chế chi trả lương. Tập trung lao động dài hạn và ký hợp đồng lao động mùa vụ trước khi vào vụ.
- Tổ chức học tập an toàn lao động, Nội quy, Quy chế về lao động, Quy định về an toàn lao động, an toàn thiết bị, vệ sinh thực phẩm, Phòng cháy chữa cháy.
- Tổ chức bố trí, sắp xếp, sử dụng lao động trong thời gian sản xuất với tổng số 377 lao động. sau vụ ép: Số lao động ở lại sau vụ ép là 173 người. Số lao động không bố trí được việc làm là 165 người. số lao động không bố trí được việc Công ty chi trả 17% cho một lao động đóng Bảo hiểm tự nguyện và hỗ trợ bằng tiền với mức 600.000 đ/người/tháng.

7.2. Công tác nhập xuất đường và đóng đường túi

- Công tác nhập xuất, giao nhận hàng hoá kịp thời, chính xác, đúng theo quy định, theo yêu cầu của khách hàng (tổ chức bốc hàng thêm giờ và ngày chủ nhật)
- Công tác đóng đường túi đóng đủ số lượng, yêu cầu kỹ thuật được đảm bảo. Thực hiện tốt an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường.

7.4. Công tác an ninh trật tự - Công tác PCCC.

- Công tác an ninh trật tự trong Công ty ổn định; phối hợp với cơ quan chức năng địa phương trong an ninh trật tự thực hiện tốt.
- Công tác Điều hành và hướng dẫn xe ra, vào cổng cơ bản thực hiện tốt

7.5. Công tác duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO:9001-2015.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 được duy trì, việc quản chế vận hành đúng quy trình. công tác quản lý ISO ở bộ phận được chấp hành tốt.

7.6. Công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải

Công tác vận hành xử lý nước thải: Nước thải sau xử lý đã được quan trắc phân tích kết quả đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn giới hạn cho phép.

Phần III

TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đối với công tác phát triển vùng nguyên liệu mía

***Tồn tại**

- Chất lượng mía còn thấp CCS mới đạt 10,73 ccs (KH: 11 CCS)
- Công tác đồn chặt, vận chuyển những địa bàn gần thực hiện không được theo kế hoạch
- Kế hoạch đồn chặt chưa điều chỉnh linh hoạt phù hợp với với công suất ép thực tế, số lượng mía cũ, mía đầu đỏ đầu đen còn nhiều (là 332,78 tấn)
- Công tác thống kê ước sản lượng mía còn sau tết âm lịch chênh lệch lớn.
- Việc rà soát, điều tra diện tích mía của một số địa bàn chưa sát với thực tế
- Công tác tuyên truyền, vận động các nông hộ trồng mía đầu tư chăm sóc mía theo qui trình kỹ thuật đạt hiệu quả thấp.
- Năng suất mía bình quân đạt 62 tấn/ha thấp so với bình quân cả nước là 63,9 tấn/ha

*** Nguyên nhân:**

- Thời tiết không thuận lợi mía trở bông sớm và nhiều, công tác đồn chặt, số lượng xe ô tô, xe công nông tham gia nhiều.
- Nông dân vẫn sản xuất theo tập quán cũ chậm thay đổi việc áp dụng kỹ thuật vào sản xuất. Công tác chăm sóc mía gốc cây xả, cây vun, làm cỏ phòng trừ sâu bệnh đạt thấp.
- Một số cán bộ nông vụ năng lực tuyên truyền hướng dẫn nông dân còn chưa hiệu quả.
- Cơ giới hóa trong sản xuất mía đạt còn thấp nông dân chưa mạnh dạn đầu tư máy cày, máy vun sỏi mía.
- Giống mía chủ yếu là roc22 đã đưa vào sản xuất nhiều năm đến nay kháng bệnh kém.

2. Đối với công tác chế biến đường

*** Tồn tại:**

- Thiết bị băng tải mía xuống mía xe công nông, Lắp đặt dao xé máy xé 1 giai đoạn đầu mới đưa chưa phù hợp, vận hành chưa hiệu quả phải dừng khắc phục mất nhiều thời gian.
- Kết cấu kích thước lược mặt, lược đáy, thông số lắp đặt, căn chỉnh chưa phù hợp nên xảy ra sự cố, dây truyền phải ngừng ép nhiều lần.
- Hệ thống ống truyền nhiệt bốc hơi bị thủng nhiều nên phải xử lý thay thế.
- Một số ống bộ hơi quá nhiệt lò hơi bị hỏng, Kiểm soát vận hành lò hơi chưa được chặt chẽ như: chất lượng nước cho lò hơi, vận hành băng tải ngược.
- Sản xuất đường vàng thực hiện chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chưa ổn định về kích thước hạt, độ màu, thời gian nấu.

*** Nguyên nhân**

- Công tác nghiệm thu thiết bị sau khi lắp đặt chạy thử chưa được tốt.
- Là vụ đầu tiên sản xuất đường vàng thiếu kinh nghiệm.
- Một số thiết bị như thiết bị nấu chưa đáp ứng được yêu cầu công suất của sản xuất .
- Công tác giám sát của ban điều hành sản xuất chưa thực sự hiệu quả. Công nhân vận hành một số cương vị trách nhiệm chưa cao.

3. Đối với sản xuất phân Vi Sinh

* Tồn tại:

- Giấy phép sản xuất phân bón chưa xin được bộ nông nghiệp cấp
- Chi phí nhân công sản xuất trong giá thành còn cao
- Sản lượng phân bón vi sinh tiêu thụ thấp và có xu hướng giảm dần.
- Cơ giới hóa trong sản xuất còn thấp nên chất lượng sản phẩm chưa đồng đều.

* Nguyên nhân:

- Do Nông dân trồng mía lựa chọn mua bã bùn rời nhiều hơn,
- Có nhiều loại phân bón cạnh tranh về chất lượng và giá cả.
- Chưa đầu tư cơ giới hóa, tự động hóa. Vì sản lượng ít nên nếu đầu tư thì suất đầu tư cao.
- Việc đáp ứng điều kiện sản xuất phân bón về phòng thí nghiệm và con người quản lý cho sản xuất chưa đạt yêu cầu.

4. Đối với công tác khác

* Tồn Tại:

- Xe ra vào cổng nhiều gây ắc tắc giao thông đường vào nhà máy nhất là giờ cao điểm
- Chưa phối hợp chưa chặt chẽ giữa Thủ kho và Tổ trưởng trong việc vận chuyển, bốc xếp đường theo từng lô, từng vị trí trong kho nhất là ca đêm.
- Sản phẩm Đường về cuối vụ chuyển màu và độ ẩm cao.
- Công tác phòng chống cháy nổ thực hiện chưa tốt còn xảy ra khi sửa chữa ngoài vụ.

* Nguyên nhân:

- Do số lượng xe ô tô, xe công nông chở mía quá nhiều, xếp hàng chờ lâu, sân bãi hẹp
- Sản lượng đường nhập kho hàng ngày nhiều sức chứa của kho có hạn, phải xếp quá cao, thời gian cuối vụ phải thuê kho, thuê xe, thuê lao động ngoài để bốc xếp di chuyển
- Công tác bảo quản sản phẩm đường rời tại kho hầu như không đạt yêu cầu do kho chứa chật hẹp, đường xếp kín thành khối không theo lô, nền kho thấp.
- Do công tác vệ sinh sau khi hàn sửa chữa chưa tốt còn xỉ hàn rơi xuống vật liệu dễ cháy.

Phần VI

MỤC TIÊU KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP NIÊN VỤ 2018- 2019

I. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NIÊN VỤ 2018 - 2019

Biểu 08

STT	Một số chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	TH vụ 2017 - 2018	KH vụ 2018- 2019	Tỷ lệ %
1	Diện tích mía	ha	3.018	3.200	106,03
2	Diện tích trồng mới	ha	1.278	1.200	94
3	Sản lượng mía sạch	tấn	162.172,35	188.000	115,93
4	Năng suất BQ	tấn /ha	63	62	98,41
5	Chữ đường mía BQ	ccs	10,73	11,5	107,2
6	Công suất ép BQ/ngày SX	tấn/ngày	1.521	1.482,0	97,42
7	Công suất ép thực tế BQ	tấn/ngày	1.636,3	1.650	100,84
8	Số ngày ép thực tế	ngày	97,02	96,97	99,95
9	Hiệu suất tổng thu hồi chưa hiệu chỉnh	%	84,45	84,6	100,18

10	AP mật rỉ	%	31,76	30	94,46
11	SL đường nhập kho	tấn	16.394,80	17.392	106,08
12	Tỷ lệ mía /đường	M/Đ	9,54	9,2	96,44
13	SL đường tiêu thụ	tấn	16.830,73	19.100	113,48
14	SL mật rỉ sản xuất	tấn	6.188,86	6.250	101
15	SL mật rỉ tiêu thụ	tấn	5.679,70	6.250	110
16	Tổng tồn thất	%	15,55	16	
17	<i>SL phân vi sinh +P.hữu cơ N.kho</i>	<i>tấn</i>	<i>1.140,10</i>		
17.1	-SL phân Vi sinh nhập kho	tấn	1.104,02		
17.2	- SL P.hữu cơ đóng bao	tấn	36,077		
18	<i>SL phân vi sinh +P.hữu cơ TT</i>	<i>tấn</i>	<i>4.062,07</i>	<i>4.050,00</i>	<i>99,70</i>
18.1	- SL phân Vi sinh	tấn	1.110,12		
18.2	- SL P.hữu cơ đóng bao	tấn	36,08		
18.3	- SL P.hữu cơ ko đóng bao + tro lò	tấn	2.915,87	4.050	138,90
19	<i>Sản lượng bã tiêu thụ</i>	<i>tấn</i>	<i>870,37</i>		
19.1	Tổng doanh thu	1000đ	209.163.152	265.964.464	127,16
19.2	Doanh thu đường	1000đ	195.114.571	219.185.714	112,34
19.3	Doanh thu mật rỉ	1000đ	10.549.187	11.606.250	110,02
19.4	DT phân Vi sinh	1000đ	3.241.130		
19.5	DT phân hữu cơ đóng bao	1000đ	15.513		
19.6	DT phân hữu cơ không đóng bao	1000đ	724.362	1.012.500	140
19.7	Doanh thu bã mía	1000đ	242.751		
19.8	Doanh thu xuất khẩu mía sang TQ	1000đ		34.160.000	
20	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	-33.287.883		
21	Lợi nhuận sau thuế	1000đ	-33.287.883	4.600.000	
22	Cổ tức	%	0		

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NIÊN VỤ 2018 – 2019

1. Công tác vùng nguyên liệu:

- Tăng cường tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân trồng mía theo quy trình kỹ thuật, đầu tư phân bón. Đặc biệt là công tác cày bừa, chăm sóc mía và phòng trừ sâu bệnh.
- Khuyến khích Chuyển đổi trồng những giống mía mới có chất lượng cao.
- Thu mua mía kịp thời đối với các hộ đã ký hợp đồng bán mía với công ty
- Điều hành xe vận chuyển mía cân đối, phù hợp với dây truyền sản xuất để hạn mía cũ, mía đầu đổ đầu đen vào nhà máy, mía tồn trên bãi.
- Xây dựng kế hoạch, giám sát thực hiện kế hoạch đôn chặt, vận chuyển mía chặt chẽ, giảm số lượng ô tô vận chuyển mía vừa đủ cho công suất nhà máy.
- Tiếp tục tuyên truyền Phát triển diện tích mía ở các xã như Vân Trình, Lê Lai, Thị Ngân huyện Thạch An, Quốc dân, Quảng Hưng - Quảng uyên, Thông Huệ - Trùng Khánh
- Cung ứng mía giống, phân bón, thuốc trừ cỏ... kịp thời cho nông dân trồng mía.
- Hợp tác với đối tác là doanh nghiệp Trung quốc đầu tư sản xuất và xuất khẩu mía sang Trung quốc theo đề án đã trình UBND tỉnh.

2. Đối với dây truyền sản xuất

- Đầu tư bổ sung thiết bị nhà xưởng để đáp ứng đủ cho công suất ép bình quân trên số ngày ép thực tế 1650 tấn mía/ngày, đảm bảo an toàn thiết bị và nâng cao hiệu suất thu hồi

nhu: kho chứa thành phẩm, hệ thống biên tần máy ép, hệ thống ống nhiệt bốc hơi, hệ thống ống hơi quá nhiệt cấp I lò hơi, hệ thống thiết bị sấy đường.

- Cung ứng vật tư thiết bị đạt yêu cầu, kịp thời theo từng giai đoạn SCBD
- Ban hành điều chỉnh, bổ sung định mức sửa chữa bảo dưỡng lắp đặt thiết bị.
- Kiểm tra đơn đốc công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị ngoài vụ ép, nghiệm thu chạy thử thiết bị chặt chẽ giảm thiểu sự cố thiết bị trong thời sản xuất.
- Ban hành các chỉ tiêu công nghệ, định mức tiêu hao vật tư ở các công đoạn phù hợp với điều kiện dây truyền thiết bị; kiểm soát tốt các chỉ tiêu trong quá trình sản xuất.
- Mua dự phòng các loại vật tư thay thế trong vụ sản xuất.
- Cung cấp đủ tài liệu hồ sơ hướng dẫn vận hành các thiết bị mới đầu tư.

3. Giải pháp về tiêu thụ đường:

- Thực hiện quan hệ và đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng truyền thống và có chính sách chăm sóc khách hàng
- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ, tăng cường thị phần bán lẻ tại các tỉnh lân cận như: Lạng Sơn, Bắc Cạn, Bắc Giang, Thái Nguyên.
- Tổ chức thăm dò ý kiến khách hàng về chất lượng sản phẩm, thái độ phục vụ của công ty.
- Có chính sách ưu đãi về giá cho khách hàng khách hàng truyền thống.

4. Đối với sản xuất phân bón Vi sinh:

- Chuyển đổi không sản xuất phân bón vi sinh mà trực tiếp bán bã bùn cho nông dân kịp thời và thuận lợi.

5. Các giải pháp đối với công tác khác.

- Ban hành Định biên lao động, kế hoạch quỹ lương, đơn giá tiền lương, Quy chế phân phối tiền lương nhằm nâng cao thu nhập người lao động phù hợp với tình hình tài chính.
- Ban hành qui chế trả thưởng về tiết kiệm nguyên liệu, vượt doanh thu, sản lượng
- Cân đối vốn đảm bảo cân đối đủ vốn cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Thực hiện và duy trì tốt hệ thống ISO 9001-2015, ban hành một số quy trình làm việc ở các phòng ban chuyên môn còn tồn tại.
- Tăng cường tuần tra canh gác bảo vệ tài sản. Phối hợp với Cơ quan chức năng duy trì tốt công tác an ninh trật tự.
- Ưu tiên Tuyển dụng lao động có trình độ đại học chuyên ngành hóa học, công nghệ thực phẩm, tự động hóa, khoa học cây trồng, Tài chính kế toán.

Nơi nhận:

- BTGD, ban kiểm soát
- Các đơn vị
- Các cổ đông
- Lưu VT, trang WEB

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nông Văn Lạc

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĐTC 2017- 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên niên độ 2016-2017 của Công ty CP mía đường Cao Bằng ngày 31/10/2017;

Ban kiểm soát báo cáo trước ĐHĐCĐ, về công tác hoạt động niên độ 2017-2018 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát niên độ 2018-2019 như sau :

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS)

1. Hoạt động của BKS

- Trong niên độ tài chính 2017-2018, BKS đã triển khai hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

- BKS đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban hàng tháng và các cuộc họp khác của công ty.

- Kiểm tra giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017-2018 đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty (BTGD).

- Kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết trong các cuộc họp của HĐQT.

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo tài chính niên độ 2017-2018 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành. Đồng thời, phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính, giám sát việc thực thi những kiến nghị do cơ qua kiểm toán độc lập đưa ra.

- Trong niên độ 2017-2018, Ban kiểm soát họp 3 lần

- Lần 1: Kiểm điểm công tác kiểm soát niên độ 2016-2017 và kế hoạch hoạt động niên độ 2017-2018

- Lần 2 : Đánh giá công tác 6 tháng đầu niên vụ 2017-2018 và kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối niên độ 2017-2018

- Lần 3: Thẩm định báo cáo tài chính niên độ 2017-2018, thông qua báo cáo kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2017-2018

- Ban kiểm soát chưa phát hiện hiện tượng vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

2. Thù lao BKS

-Trong quá trình hoạt động BKS được chi trả thù lao theo đúng quy định và nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2017-2018.

+Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng

+Ủy viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6 /tháng/người

+Mức tiền lương tối thiểu công ty áp dụng là 1.450.000 đồng

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGD

1. Kết quả giám sát hoạt động HĐQT

- Trong niên độ 2017-2018 HĐQT đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ trong công tác quản lý và điều hành công ty.

- HĐQT của công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, các cuộc họp đột xuất khi cần thiết để triển khai thống nhất định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- BKS đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- HĐQT đã ban hành nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Kết quả giám sát công tác điều hành của BTGD và bộ phận quản lý công ty.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ BKS nhận thấy Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty đã tuân thủ đúng theo qui định, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đề ra, trong quá trình điều hành và chỉ đạo hoạt động SXKD của công ty. BKS không phát hiện có dấu hiệu bất thường nào trong

hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty, cũng như không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào có liên quan đến các thành viên của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty.

- Kết quả đạt được trong NĐTC 2017-2018 như sau:

2.1 Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ NĐTC 2017 - 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017-2018	Thực hiện 2017-2018	Tỷ lệ % hoàn thành KH
1	Sản lượng mía <u>Trong đó:</u> + Mía ép + Mía giống + Mía xuất đi TQ	Tấn	150.000	163.711	109,1
				157.183	
				1.539	
				4.989	
2	Sản lượng đường	Tấn	16.304	16.394,8	100,55
3	Sản lượng mật rỉ nhập kho	Tấn	6.250	6.188,8	99
4	Sản lượng phân vi sinh + phân hữu cơ đóng bao	Tấn	1.800	1.146	63,6
5	Tổng doanh thu	Tr.đ	234.209.	216.301	92,3
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	tr.đ	8.000	-33.287	
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	Trđ	6.400	-33.287	

Kết quả doanh thu thực hiện giảm 7,7% so với kế hoạch; Lợi nhuận thực hiện cũng không đạt, nguyên nhân do giá cả thị trường giảm mạnh, lượng đường tồn kho cao.

2.2 Về công tác đầu tư, XDCB, Sửa chữa bảo dưỡng

- Trong niên độ 2017-2018 công ty đã đầu tư mua một số máy móc thiết bị và xây dựng với tổng số tiền đầu tư : 10.015, triệu đồng (Mười tỷ không trăm mười năm triệu đồng) cụ thể :

STT	Ngày tháng	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Đồng)
-----	------------	-------------	-----	----------	--------------------

	I/	Máy móc thiết bị			
1	17.08.2017	Mua máy in phun SOP 690	bộ	1	88,500,000
2	23.11.2017	Mua máy xúc đào HUYNDAI ROBEX 55w	cái	1	727,272,727
3	28.12.2017	Mua tủ điều khiển hệ thống cân đóng bao	Bộ	1	102,800,000
4	31.12.2017	Hệ thống băng tải xuống mía xe công nông	bộ	1	956,463,660
5	31.12.2017	Bộ tự động điều tốc băng tải sắt	bộ	1	372,123,535
6	31.12.2017	Hệ thống lắng nhanh máy lọc chân không	bộ	1	2,159,857,215
7	31.12.2017	Thùng mật rỉ	thùng	1	1,821,844,125
8	05.01.2018	Mua mới máy xúc lật bánh lốp AOLITE	cái	1	163,636,364
9	30.01.2018	Mua mới băng tải di động kho TP	cái	1	52,500,000
10	31.01.2018	Lắp đặt tủ biến tần cho động cơ máy ép 220kw	bộ	1	359,800,000
11	31.01.2018	Lắp thiết bị đo lưu lượng nước cấp	cái	1	120,000,000
		Cộng			6,924,797,626
	II/	Xây dựng cơ bản			
1	31.12.2017	Móng băng tải xuống mía xe công nông			233,217,904
2	31.12.2017	Móng thùng mật rỉ 1200m3			1,179,905,058
3	28.02.2018	Xây mới bể lắng tro 440m3			1,003,204,267
4	28.02.2018	Xây mới nhà vệ sinh	nhà	1	674,537,290
		Cộng			3,090,864,519
		Tổng cộng			10,015,662,145

Các hạng mục đầu tư đều được phê duyệt, thẩm định, thực hiện đúng quy trình và đã đưa vào sử dụng.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng dây chuyền thiết bị sản xuất đường, Ban TGD và các bộ phận quản lý đã tích cực đôn đốc giám sát, cơ bản đạt yêu cầu tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục, còn có những sự cố xảy ra trong quá trình sản xuất và chất lượng đường chưa hoàn toàn đảm bảo theo yêu cầu (Đường ẩm ướt nhanh)

2.3 Về công tác nguyên liệu

Niên độ 2017-2018 công ty vẫn duy trì các chính sách đầu tư cho VNL nhằm đảm bảo cho vùng nguyên liệu phát triển ổn định.

Những mặt đã đạt được :

- + Sản lượng mía tăng 9,1% so với kế hoạch
- + Diện tích trồng mới tăng 16% so với kế hoạch
- + Năng xuất bình quân tăng 5.9% so với kế hoạch

Những mặt chưa đạt được:

- + Thu hồi công nợ đạt 99.73%
- + Chất lượng cây mía chưa tốt (CCS chỉ đạt 97,5% so với kế hoạch)
- + Đón chặt vận chuyển mía chưa đáp ứng được theo kế hoạch.
- + Mía kém chất lượng (mía đầu đỏ đầu đen)

2.4 Công tác sản xuất chế biến, tiêu thụ đường

Sản lượng đường sản xuất trong năm 2017-2018 đạt 100,5% so với kế hoạch hiệu suất thu hồi đạt 101,1%. Tỷ lệ mía /đường không đạt so với kế hoạch vượt 3,69%; chất lượng đường chưa đồng đều, nhất là khi sản xuất đường vàng do mới thực hiện vụ đầu tiên. Thiết bị máy móc còn hỏng nhiều thời gian dừng xử lý lâu như hỏng lược đáy máy ép, bộ quá nhiệt Lò hơi, dẫn đến hiệu suất an toàn thiết bị chưa đạt so với chỉ tiêu đề ra. Hệ thống bốc hơi do ống nhiệt bị hỏng nhiều phải sửa chữa thường xuyên nên ảnh hưởng đến việc cân bằng dây chuyền khi sản xuất.

Việc tiêu thụ đường gặp rất nhiều khó khăn, giá bán đường giảm mạnh, các doanh nghiệp trong ngành đường đều tồn kho cao nên ảnh hưởng lớn tình hình tài chính của Công ty.

Vật tư hóa chất tiêu hao dùng trong sản xuất : có đầu lạc với chỉ khâu bao sử dụng vượt định mức, còn các loại vật tư tiêu hao khác đều nằm trong định mức.

2.5 Công tác sản xuất phân bón vi sinh

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH (%)	So với vụ 16-17(%)	Tồn cuối (Tấn)
1	Phân vi sinh	tấn	1.500	1.110,12	74	68,3	4,51
	<u>Trong đó:</u>						
	Phân vi sinh 3-2-2	tấn	900	620,17	69,9		1,66
	Phân vi sinh 5-5-2	tấn	600	489,95	81,65		2,85

2	Phân hữu cơ							
	Phân hữu cơ đóng bao	tấn	300	36,077	12	9,11		
	Phân hữu cơ rời	tấn	1.700	2.915,87	171,5	76,23		(Bao gồm cả tro lò)

- Sản xuất phân vi sinh giảm hơn so với kế hoạch do thị trường cạnh tranh gay gắt về giá cả và chất lượng.

2.6 Công tác nhân sự

- Thực hiện các chính sách lao động theo đúng luật định. Công tác định biên tuyển dụng kịp thời, giải quyết đầy đủ chế độ cho người lao động. Tuy nhiên thời gian lao động trực tiếp làm việc trong năm chỉ được 4 tháng, 8 tháng còn lại vẫn chưa sắp xếp bố trí được việc làm.

2.7 Công tác khác

Công tác an toàn lao động, an ninh trật tự được thực hiện tốt, công tác phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp được thực hiện thường xuyên, Công tác bảo vệ xử lý môi trường thu gom rác thải trong năm vừa qua đạt yêu cầu.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thẩm định báo cáo tài chính NĐTC 2017-2018

- Báo cáo tài chính đã được trình bày đầy đủ, rõ ràng phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài chính của công ty. Công ty đã chấp hành đúng theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

- BKS thẩm định và thống nhất với các nội dung của báo cáo tài chính niên độ 2017-2018 đã được công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán .

2. Tình hình tài chính của công ty NĐTC 2017-2018:

TÀI SẢN		Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/07/2017	So sánh %
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	75.093.017.721	102,997,399,611	72,9
<i>I.</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>937.926.685</i>	<i>15,681,634,148</i>	
<i>II.</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	-	-	
<i>III.</i>	<i>Các khoản phải thu</i>	<i>19.978.364.218</i>	<i>19,019,689,529</i>	
<i>III</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>54.159.784.611</i>	<i>68,281,075,934</i>	
<i>IV</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>16.942.207</i>	<i>15,000,000</i>	
B-	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	89.714.503.343	85,646,099,936	104,7

I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	
II.	Tài sản cố định	73.895.227.878	74.077.795.510	
III.	Bất động sản đầu tư			
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	5.157.327.906	5.612.807.791	
V.	Tài sản dài hạn khác	5.661.947.559	5,955,496,635	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		164.807.521.064	188,643,499,547	87,3
A-	NỢ PHẢI TRẢ	81.897.320.444	66,798,342,553	122,6
I.	Vay và nợ ngắn hạn	79.365.929.444	64,265,951,553	
II.	Nợ dài hạn	2.531.391.000	2,532,391,000	
B-	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	82.910.200.620	121,845,156,994	68
I.	Vốn chủ sở hữu	82.875.200.620	121,810,156,994	
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	35.000.000	35,000,000	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		164.807.521.064	188,643,499,547	87,3

Một số chỉ tiêu phân tích đánh giá tình hình tài chính của công ty

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/07/2017
1-Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	45,6%	54,5 %
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	54,4%	45,4 %
1.2 Cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	49,7%	35,4 %
- Nguồn VCSH/ Tổng nguồn vốn	50,3%	64,5 %
2- Khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/NNH)	0,94	1,6
- Khả năng thanh toán tổng quát (TTS/NPH)	1,87	2,8
3. Tỷ suất sinh lời		
- Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần	- 15,4 %	13,2 %
- Tỷ suất LNST / Tổng tài sản	-20,2 %	13,9 %
- Tỷ suất LNST/Nguồn VCSH	-40,1%	21,5 %

Với các chỉ số ở trên ta thấy tình hình tài chính của công ty là rất khó khăn SXKD thua lỗ.

- Khả năng thanh toán các khoản nợ chậm, giảm độ tự chủ về tài chính.

- Báo cáo tài chính năm thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu tài chính trọng điểm trong đó : trích lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho 12.766.364.429 đồng.

IV. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BTGD VÀ CỔ ĐÔNG

Mối quan hệ giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty được duy trì dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình điều hành.

Các thành viên BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động SXKD của công ty, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. Để từ đó BKS nắm bắt được các thông tin, tình hình hoạt động của công ty cũng như trao đổi tham gia cùng HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản trị điều hành.

Đối với cổ đông: BKS cũng trao đổi thông tin và tiếp thu ý kiến đóng góp của cổ đông. Trong niên độ 2017-2018 BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đối với vùng nguyên liệu

Tiếp tục có chính sách đầu tư phù hợp, chú ý việc thâm canh các giống mía mới, chế độ bón phân phù hợp, cơ giới hóa trong sản xuất mía để tăng năng xuất chất lượng mía, tăng thu nhập cho các hộ trồng mía.

Đổi mới cách điều hành xe vận chuyển mía, để dễ dàng điều phối vận chuyển mía một cách thuận lợi, kịp thời nhất, giảm tình trạng mía cũ để sản xuất hiệu quả hơn.

2. Đối với dây truyền sản xuất

Tiếp tục đầu tư thay thế các thiết bị để đáp ứng yêu cầu sản xuất. Có kế hoạch theo từng giai đoạn để sản xuất đường kính trắng và đường vàng. Kiểm soát tốt các công đoạn trong sản xuất theo chỉ tiêu KTKT đã ban hành, sử dụng các vật tư, hóa chất tiêu hao đúng định mức tiết kiệm, tránh lãng phí. Cần xem xét và làm tốt công tác bảo quản sản phẩm đường tại kho thành phẩm.

3. Đối với Xí nghiệp phân vi sinh

Cần có phương án sản xuất cho phù hợp.

4. Đối với HĐQT, Ban TGD

- Nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Cân đối dòng tiền, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả;
- Tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm;
- Chỉ đạo xây dựng quy chế quản lý tài chính.
- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động, tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề, bố trí đúng người đúng việc để tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả SXKD.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VỤ 2018-2019

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Điều lệ công ty. BKS công ty CP mía đường Cao Bằng dự kiến kế hoạch hoạt động trong vụ 2018-2019 như sau:

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ 2018-2019.
- Kiểm tra giám sát các khoản định mức tiêu hao và các chi phí sản xuất để SXKD đạt hiệu quả.
- Kiểm tra tính tuân thủ và tình hình quản lý tài chính của công ty.
- Thẩm định BCTC năm của công ty.
- Các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của BKS quy định trong Điều lệ của Công ty.

Trên đây là những nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty CP mía đường Cao Bằng. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Hoàng Thị Quyết

Số: 480 /TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua các báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị .
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát .

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nông Văn Lạc

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm tài chính 2017 - 2018

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 về việc thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2017 - 2018. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm tài chính 2017 - 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 chấp thuận thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu Vt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch**



Nông Văn Lạc

Trích
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Của năm tài chính: Từ ngày 01/07/2017 đến hết ngày 30/06/2018

(kèm theo tờ trình số /TTr-HDQT-MĐ ngày tháng năm 2018)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao bằng nhiệm kỳ 2015 - 2020 báo cáo tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính: Từ ngày 01/07/2017 đến hết ngày 30/06/2018 đã được kiểm toán để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

I/ VỐN ĐIỀU LỆ:

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2018 : 35.279.250.000 VND

Trong đó:

- Vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng CĐ sáng lập : 3.638.960.000 VND
- Vốn điều lệ tăng thêm theo Nghị quyết Đại hội đồng CĐ năm 2011 : 11.644.600.000 VND
- Vốn điều lệ tăng thêm theo Nghị quyết Đại hội đồng CĐ năm 2014 : 2.716.440.000 VND
- Vốn điều lệ tăng thêm theo Nghị quyết Đại hội đồng CĐ năm 2016 : 7.200.000.000 VND
- Vốn điều lệ tăng thêm theo Nghị quyết Đại hội đồng CĐ năm 2017 : 10.049.250.000 VND

Gồm:

Số TT	Cổ đông	Vốn góp			Chiếm tỷ lệ %
		Số cổ phần	M.giá 1 CP (đ)	Giá trị vốn góp (đồng)	
1	Cổ đông là cá nhân	3.331.925	10.000	33.319.250.000	94,45
2	Cổ đông là tổ chức	196.000	10.000	1.960.000.000	5,55
Cộng		3.527.925		35.279.250.000	100

II/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN KIỂM SOÁT; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1- Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Nông Văn Lạc | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Ma Trung Lập | - Phó chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Lê Anh Tuấn | - ủy viên thường trực HĐQT |
| 4. Ông Nông Văn Thuyết | - ủy viên HĐQT |
| 5. Bà Mã Thị Quyết | - ủy viên HĐQT |

2- Ban kiểm soát:

- | | |
|------------------------|------------------------|
| 1. Bà Hoàng Thị Quyết | - Trưởng ban kiểm soát |
| 2. Ông Trương Minh Đức | - TV Ban kiểm soát |
| 3. Ông Đinh Bế Đính | - TV Ban kiểm soát |

3- Ban Tổng giám đốc:

- | | |
|---------------------|---------------------------|
| 1. Ông Nông Văn Lạc | - Tổng giám đốc điều hành |
| 2. Ông Ma Trung Lập | - Phó tổng giám đốc |
| 3. Bà Nông Thị Nậu | - Phó tổng giám đốc |

III/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN. Từ 01/07/2017 đến hết ngày 30/06/2018.

1- Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chi tiêu	Từ ngày 01/07/2017 đến hết ngày 30/06/2018
-------	----------	--

01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	216,301,020,159
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	149,055,522
03	Giá vốn hàng bán	237,060,090,221
04	Lợi nhuận gộp [= (1)-(2)-(3)]	(20,908,125,584)
05	Doanh thu hoạt động tài chính	42,097,489
06	Chi phí tài chính <i>Trong đó: Lãi tiền vay</i>	3,109,536,857 3,051,985,287
07	Chi phí bán hàng	1,377,075,146
08	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7,360,438,349
09	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [= (4+5) - (6+7+8)]	(32,713,078,447)
10	Thu nhập khác	7,754,609,331
11	Chi phí khác	8,329,414,833
12	Lợi nhuận khác (= 10-11)	(574,805,502)
13	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (= 9+12)	(33,287,883,949)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN (= 13-14)	(33,287,883,949)

2- Tài sản, nguồn vốn

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN		Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/07/2017
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	75,093,017,721	102,997,399,611
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	937,926,685	15,681,634,148
1.	Tiền mặt tồn quỹ	161,159,064	271,771,857
2.	Tiền gửi ngân hàng	776,767,621	15,409,862,291
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	-	-
III.	Các khoản phải thu	19,978,364,218	19,019,689,529
1.	Phải thu của khách hàng	12,620,169,815	12,834,526,705
2.	Trả trước cho người bán	1,068,570,000	3,168,148,550
3.	Phải thu nội bộ	-	-

4.	Các khoản phải thu khác	6,123,900,844	2,851,290,727
5.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(185,512,000)	(185,512,000)
6.	Tài sản thiếu chờ xử lý	351,235,547	351,235,547
III	Hàng tồn kho	54,159,784,611	68,281,075,934
1	Nguyên vật liệu	872,131,458	1,350,544,071
2	Công cụ dụng cụ	3,030,124,627	2,326,490,090
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	299,686,754	101,093,900
4	Thành phẩm, hàng hóa, hàng gửi bán	62,724,206,201	64,502,947,873
5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12,766,364,429)	-
IV	Tài sản ngắn hạn khác	16,942,207	15,000,000
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
2	Thuế GTGT còn được khấu trừ	16,942,207	-
3	Tài sản ngắn hạn khác	-	15,000,000
B-	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	89,714,503,343	85,646,099,936
I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
2.	Phải thu nội bộ dài hạn	-	-
3.	Phải thu dài hạn khác	-	-
4.	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
II.	Tài sản cố định	79,052,555,784	79,690,603,301
1.	Tài sản cố định hữu hình	69,299,729,991	69,458,829,464
	- Nguyên giá	238,128,744,362	228,897,031,768
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(168,829,014,371)	(159,438,202,304)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	4,595,497,887	4,618,966,046
	- Nguyên giá	4,999,436,434	4,953,368,434
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(403,938,547)	(334,402,388)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5,157,327,906	5,612,807,791
III.	Bất động sản đầu tư		

	- Nguyên giá	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
1.	Đầu tư vào công ty con	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	-	-
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	10,661,947,559	5,955,496,635
1.	Chi phí trả trước dài hạn	10,661,947,559	5,955,496,635
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		164,807,521,064	188,643,499,547

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/07/2017
A-	NỢ PHẢI TRẢ	81,897,320,444	66,798,342,553
I.	Vay và nợ ngắn hạn	79,365,929,444	64,265,951,553
1.	Vay và nợ ngắn hạn	59,600,000,000	50,000,000,000
2.	Phải trả người bán	7,373,731,273	170,335,651
3.	Người mua trả tiền trước	3,010,050,500	84,260,500
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	367,951,441	4,229,704,673
5.	Phải trả người lao động	2,359,978,788	3,703,497,360
6.	Chi phí phải trả	276,000,000	2,087,613,220
7.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,391,047,373	2,753,960,505
8.	Quỹ phúc lợi, khen thưởng	2,987,170,069	1,236,579,644
II	Nợ dài hạn	2,531,391,000	2,532,391,000
1.	Phải trả dài hạn người bán	-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	-	1,000,000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
7.	Quỹ phát triển khoan học công nghệ	2,531,391,000	2,531,391,000

B-	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	82,910,200,620	121,845,156,994
I.	Vốn chủ sở hữu	82,875,200,620	121,810,156,994
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35,279,250,000	25,200,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	3,943,264,691	3,943,264,691
3.	Cổ phiếu ngân quỹ	-	-
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
5.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
6.	Quỹ đầu tư phát triển	66,894,768,803	56,402,479,101
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	9,986,262,112	9,986,262,112
8.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(33,228,344,986)	26,278,151,090
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	59,538,963	
	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	(33,287,883,949)	26,278,151,090
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	35,000,000	35,000,000
1	Nguồn kinh phí	35,000,000	35,000,000
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		164,807,521,064	188,643,499,547

* Ghi chú: Số để trong dấu () là ghi số âm (-)

IV/ THUYẾT MINH CHỈ TIÊU VỀ KẾT QUẢ SXKD

Đơn vị tính: Đồng
Từ ngày 01/07/2017
đến hết 30/06/2018

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

<i>Trong đó : Doanh thu sản phẩm đường</i>	195,114,571,402
<i>Doanh thu Mật rỉ</i>	10,457,351,857
<i>Doanh thu phân bón vi sinh</i>	3,241,130,000
<i>Doanh thu phân bón hữu cơ</i>	739,875,300
<i>Doanh thu XK mía nguyên liệu</i>	6,735,306,600
<i>Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác</i>	12,785,000

Cộng **216,301,020,159**

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại

-

Giảm giá hàng bán - SP đường

137,484,093

Hàng bán bị trả lại - SP đường

11,571,429

	Cộng	149,055,522
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa		237,053,875,221
<i>Trong đó : Giá vốn sản phẩm đường</i>		<i>227,802,253,013</i>
<i>Giá vốn mật rỉ</i>		<i>-</i>
<i>Giá vốn phân bón vi sinh</i>		<i>2,773,028,240</i>
<i>Giá vốn phân bón hữu cơ</i>		<i>743,584,744</i>
<i>Giá vốn mía nguyên liệu XK</i>		<i>5,735,009,224</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ		6,215,000
	Cộng	237,060,090,221
4. Doanh thu tài chính		
	Lãi tiền gửi	23,641,619
	Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18,455,870
	Cộng	42,097,489
5. Chi phí tài chính		
	Lãi tiền vay	3,051,985,287
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57,551,570
	Cộng	3,109,536,857
6. Chi phí bán hàng		
	Chi phí nhân công bán hàng	138,861,270
	Chi phí khấu hao	128,180,364
	Chi phí cước vận chuyển	201,283,474
	Chi phí bốc vác	668,499,648
	Chi phí bằng tiền khác	240,250,390
	Cộng	1,377,075,146
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Chi phí nhân công quản lý	1,650,270,435
	Thiết bị đồ dùng văn phòng	150,122,180
	Văn phòng phẩm, sổ sách, mẫu biểu	380,941,400
	Khấu hao tài sản cố định	549,217,432
	Thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất	477,828,231
	Phân bổ chi phí sửa chữa lớn nhà điều hành	494,136,833
	Trợ cấp thôi việc cho người LĐ	753,694,938
	Trợ cấp ngoài vụ cho người LĐ	486,129,412
	Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1,036,229,356
	Chi phí bằng tiền khác	1,381,868,132
	Cộng	7,360,438,349
8. Thu nhập khác		
	Doanh thu bán phế liệu, thanh lý TSCĐ	358,728,131

Doanh thu bã mía	241,178,648
Doanh thu phân bón, mía giống... xuất cho VNL	6,907,433,656
DT bã bùn xuất cho XN phân vs	188,511,650
Đường thừa khi kiểm kê	40,518,250
Các khoản thu khác	18,238,996
Cộng	7,754,609,331

9. Chi phí khác

Chi phí được trừ khi tính thuế TNDN	8,181,761,964
<i>Giá vốn phân bón, MG, TTC Xuất cho VNL mía</i>	7,501,989,790
<i>Chi phí bốc xếp, TTC xuất cho VNL mía</i>	30,205,000
<i>Cước v/c mía nguyên liệu XK (từ ruộng đến NM)</i>	416,900,511
<i>Chi phí dây dứa buộc bã mía</i>	36,300,000
<i>Chi phí bốc xếp, lệ phí XK bã mía</i>	67,510,300
<i>Lỗ thanh lý TSCĐ</i>	127,326,211
<i>Chi phí khác</i>	1,530,152
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	147,652,869
Cộng	8,329,414,833

10. Kết quả sản xuất kinh doanh từ ngày 01/07/2017 đến hết ngày 30/06/2018

Lợi nhuận trước thuế TNDN	(33,287,883,949)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (15 %)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(33,287,883,949)

Trên đây là toàn bộ báo cáo về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính từ ngày 01/07/2017 đến hết ngày 30/06/2018 đã được kiểm toán. Hội đồng quản trị xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:
- Cổ đông ;
- Lưu VT

Nông Văn Lạc

Trích
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Của năm tài chính: Từ ngày 01/07/2016 đến hết ngày 30/06/2017

(kèm theo tờ trình số /TTr-HĐQT-MĐ ngày tháng năm 2017)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao bằng nhiệm kỳ 2015 - 2020 báo cáo tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính: Từ ngày 01/07/2016 đến hết ngày 30/06/2017 đã được kiểm toán để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 như sau:

I/ VỐN ĐIỀU LỆ:

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2017 : 25.200.000.000 VND

Trong đó:

- Vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng CĐ sáng lập : 3.638.960.000 VND
- Vốn điều lệ tăng thêm theo Nghị quyết Đại hội đồng CĐ năm 2011 : 11.644.600.000 VND
- Vốn điều lệ tăng thêm theo Nghị quyết Đại hội đồng CĐ năm 2014 : 2.716.440.000 VND
- Vốn điều lệ tăng thêm theo Nghị quyết Đại hội đồng CĐ năm 2016 : 7.200.000.000 VND

Gồm:

Số TT	Cổ đông	Vốn góp			Chiếm tỷ lệ %
		Số cổ phần	M.giá 1 CP (đ)	Giá trị vốn góp (đồng)	
1	Cổ đông là cá nhân	2.380.000	10.000	23.800.000.000	94,44
2	Cổ đông là tổ chức	140.000	10.000	1.400.000.000	5,56
Cộng		2.520.000		25.200.000.000	100

II/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN KIỂM SOÁT; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1- Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Nông Văn Lạc | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Ma Trung Lập | - Phó chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Lê Anh Tuấn | - ủy viên thường trực HĐQT |
| 4. Ông Nông Văn Thuyết | - ủy viên HĐQT |
| 5. Bà Mã Thị Quyết | - ủy viên HĐQT |

2- Ban kiểm soát:

- | | |
|------------------------|------------------------|
| 4. Bà Hoàng Thị Quyết | - Trưởng ban kiểm soát |
| 5. Ông Trương Minh Đức | - TV Ban kiểm soát |
| 6. Ông Đinh Bế Đính | - TV Ban kiểm soát |

3- Ban Tổng giám đốc:

- | | |
|---------------------|---------------------------|
| 1. Ông Nông Văn Lạc | - Tổng giám đốc điều hành |
| 2. Ông Ma Trung Lập | - Phó tổng giám đốc |
| 3. Bà Nông Thị Nậu | - Phó tổng giám đốc |

III/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN. Từ 01/07/2016 đến hết ngày 30/06/2017.

1- Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/07/2016 đến hết ngày 30/06/2017
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	198.444.499.913
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	48.611.524
03	Giá vốn hàng bán	154.371.706.028
04	Lợi nhuận gộp [= (1)-(2)-(3)]	44.024.182.361
05	Doanh thu hoạt động tài chính	55.903.447
06	Chi phí tài chính <i>Trong đó: Lãi tiền vay</i>	2.680.797.631 2.490.223.067
07	Chi phí bán hàng	1.276.864.522
08	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.454.293.358
09	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [= (4+5) - (6+7+8)]	29.668.130.297
10	Thu nhập khác	6.115.213.305
11	Chi phí khác	6.135.241.267
12	Lợi nhuận khác (= 10-11)	(20.027.962)
13	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (= 9+12)	29.648.102.335
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.417.378.081
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN (= 13-14)	26.230.724.254

2- Tài sản, nguồn vốn

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN		Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/07/2016
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	102,997,399,611	50,962,681,247
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	15,681,634,148	2,352,764,656
1.	Tiền mặt tồn quỹ	271,771,857	301,045,053
2.	Tiền gửi ngân hàng	15,409,862,291	2,051,719,603
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	-	-
III.	Các khoản phải thu	19,019,689,529	24,371,359,964
1.	Phải thu của khách hàng	12,834,526,705	21,427,225,412
2.	Trả trước cho người bán		585,840,000

		3,168,148,550	
3.	Phải thu nội bộ	-	-
4.	Các khoản phải thu khác	2,851,290,727	2,256,862,717
5.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(185,512,000)	(188,012,000)
6.	Tài sản thiếu chờ xử lý	351,235,547	289,443,835
III	Hàng tồn kho	68,281,075,934	24,230,696,082
1	Nguyên vật liệu	1,350,544,071	1,556,941,493
2	Công cụ dụng cụ	2,326,490,090	2,411,832,626
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	101,093,900	45,549,214
4	Thành phẩm, hàng hóa, hàng gửi bán	64,502,947,873	20,216,372,749
5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
IV	Tài sản ngắn hạn khác	15,000,000	7,860,545
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
2	Thuế GTGT còn được khấu trừ	-	7,860,545
3	Tài sản ngắn hạn khác	15,000,000	-
B-	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	85,646,099,936	92,106,876,614
I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
2.	Phải thu nội bộ dài hạn	-	-
3.	Phải thu dài hạn khác	-	-
4.	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
II.	Tài sản cố định	79,690,603,301	82,902,623,836
1.	Tài sản cố định hữu hình	69,458,829,464	73,211,884,208
	- Nguyên giá	228,897,031,768	223,091,913,101
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(159,438,202,304)	(149,880,028,893)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	4,618,966,046	4,688,502,205
	- Nguyên giá	4,953,368,434	4,953,368,434
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(334,402,388)	(264,866,229)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5,612,807,791	5,002,237,423
III.	Bất động sản đầu tư		

	- Nguyên giá	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
1.	Đầu tư vào công ty con	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	-	-
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	5,955,496,635	9,204,252,778
1.	Chi phí trả trước dài hạn	5,955,496,635	9,204,252,778
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		188,643,499,547	143,069,557,861

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/07/2016
A-	NỢ PHẢI TRẢ	66,798,342,553	45,717,639,753
I.	Vay và nợ ngắn hạn	64,265,951,553	39,199,873,612
1.	Vay và nợ ngắn hạn	50,000,000,000	28,870,000,000
2.	Phải trả người bán	170,335,651	1,108,018,111
3.	Người mua trả tiền trước	84,260,500	0
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4,229,704,673	1,791,853,805
5.	Phải trả người lao động	3,703,497,360	2,425,411,540
6.	Chi phí phải trả	2,087,613,220	1,631,601,734
7.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,753,960,505	2,137,815,146
8.	Quỹ phúc lợi, khen thưởng	1,236,579,644	1,235,173,276
II	Nợ dài hạn	2,532,391,000	6,517,766,141
1.	Phải trả dài hạn người bán	-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	1,000,000	6,517,766,141
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
7.	Quỹ phát triển khoan học công nghệ	2,531,391,000	-

B-	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	121,845,156,994	97,351,918,108
I.	Vốn chủ sở hữu	121,810,156,994	97,316,918,108
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25,200,000,000	18,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	3,943,264,691	3,943,264,691
3.	Cổ phiếu ngân quỹ	-	-
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
5.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
6.	Quỹ đầu tư phát triển	56,402,479,101	53,772,537,632
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	9,986,262,112	15,026,262,112
8.	Lợi nhuận chưa phân phối	26,278,151,090	6,574,853,673
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	35,000,000	35,000,000
1	Nguồn kinh phí	35,000,000	35,000,000
2	nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		188,643,499,547	143,069,557,861

* Ghi chú: Số để trong dấu () là ghi số âm (-)

IV/ THUYẾT MINH CHỈ TIÊU VỀ KẾT QUẢ SXKD

Đơn vị tính: Đồng

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/07/2016 đến hết 30/06/2017
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	198,381,221,413
<i>Trong đó : Doanh thu sản phẩm đường</i>	<i>182,018,966,219</i>
<i>Doanh thu Mật rỉ</i>	<i>11,133,284,814</i>
<i>Doanh thu phân bón vi sinh</i>	<i>4,386,618,000</i>
<i>Doanh thu bã bùn</i>	<i>842,352,380</i>
Doanh thu nội bộ	63,278,500
	198,444,499,913

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại	-
Giảm giá hàng bán - SP đường	48,611,524
Hàng bán bị trả lại	-
	48,611,524

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	154,340,913,613
<i>Trong đó : Giá vốn sản phẩm đường</i>	<i>149,955,291,757</i>

Tờ trình về thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm tài chính 2017 -2018.

	<i>Giá vốn Mật rỉ</i>	-
	<i>Giá vốn phân bón vi sinh</i>	3,700,762,392
	<i>Giá vốn bã bùn</i>	684,859,464
Giá vốn cung cấp dịch vụ		30,792,415
		154,371,706,028
4. Doanh thu tài chính		
	Lãi tiền gửi	36,477,629
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19,425,818
		55,903,447
5. Chi phí tài chính		
	Lãi tiền vay	2,490,223,067
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10,367,631
	Chi phí tài chính khác	180,206,933
		2,680,797,631
6. Chi phí bán hàng		
	Chi phí nhân công	189,171,243
	Chi phí khấu hao	128,180,364
	Chi phí vật liệu + CCDC bán hàng	17,866,000
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	646,607,270
	Chi phí bằng tiền khác	295,039,645
		1,276,864,522
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Chi phí nhân công	1,995,003,043
	Thiết bị đồ dùng văn phòng	198,868,090
	Văn phòng phẩm, sổ sách, mẫu biểu	330,165,845
	Khấu hao tài sản cố định	641,578,593
	Thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất	552,686,819
	Phân bổ chi phí sửa chữa lớn nhà điều hành	494,136,833
	Chi phí dịch vụ thuê ngoài	492,948,207
	Chi phí bằng tiền khác	2,108,536,928
	Trích quỹ KHCN	2,531,391,000
	Trích quỹ tiền lương dự phòng	1,111,478,000
	Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2,500,000)
		10,454,293,358
8. Thu nhập khác		
		-
	Doanh thu bán phế liệu, thanh lý TSCĐ	171,456,455
	Doanh thu bã mía	90,004,500
	Doanh thu phân bón, mía giống, TTC... xuất cho VNL	5,581,479,130
	DT bã bùn xuất cho XN phân vs	270,268,425

Các khoản thu khác 2,004,795

6,115,213,305

9. Chi phí khác

Chi phí được trừ khi tính thuế TNDN	6,003,926,735
<i>Giá vốn phân bổ, MG, TTC Xuất cho VNL mía</i>	5,892,965,740
<i>Chi phí bốc xếp, v/c PB, TTC xuất cho VNL mía</i>	44,994,350
<i>Giá trị vật tư, NVL tồn kho hỏng, kém phẩm chất</i>	39,996,573
<i>Chi phí bốc xếp, lệ phí XK bã mía</i>	24,829,300
<i>Chi phí khác</i>	1,140,772
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	131,314,532
<i>Phạt chậm nộp thuế</i>	110,103,532
<i>Chi phí không hợp lệ khác</i>	21,211,000
	6,135,241,267

10. Kết quả sản xuất kinh doanh từ ngày 01/07/2016 đến hết ngày 30/06/2017

Lợi nhuận trước thuế TNDN	29.648.102.335
Thuế thu nhập doanh nghiệp (15 %)	3.417.378.081
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.230.724.254

Trên đây là toàn bộ báo cáo về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến hết ngày 30/06/2017 đã được kiểm toán. Hội đồng quản trị xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nông Văn Lạc

Số: 484 /TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán niên độ 2018 - 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ yêu cầu lựa chọn Công ty kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2018 – 2019 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nông Văn Lạc

Số: 485 /TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Thông qua việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty niên độ 2018 - 2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu Vt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch**



Nông Văn Lạc

Số: 483 /TTr-HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
*V/v: Thông qua thù lao HĐQT, BKS, ban TGD niên độ 2017 – 2018
và kế hoạch thù lao niên độ 2018 - 2019*

Kính trình: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Quy chế phân phối tiền lương vụ ép 2017 - 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ vào tình hình thực tế chi trả chi phí hoạt động của HĐQT, BKS từ tháng 07/2017 đến hết tháng 06/2018.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng báo cáo tình hình thực hiện chi trả thù lao thực tế cho hoạt động của HĐQT, BKS từ tháng 07/2017 đến hết tháng 06/2018 như sau:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III: Gồm 5 thành viên . Trong đó có 1 chủ tịch HĐQT, 1 phó chủ tịch HĐQT, 1 ủy viên thường trực HĐQT, 2 ủy viên HĐQT.

Ban kiểm soát nhiệm kỳ III: Gồm 3 thành viên. Trong đó có 1 trưởng BKS, 2 ủy viên BKS.

NỘI DUNG

1- Thù lao cho HĐQT, BKS:

Các thành viên của HĐQT và BKS điều kiêm nhiệm các chức danh quản lý Công ty, vì vậy thù lao được hưởng bao gồm tiền lương theo chức danh quản lý và phụ cấp HĐQT và BKS.

1.1. Căn cứ tính:

- Đối với tiền lương theo chức danh quản lý của HĐQT; BKS; BTGD: Được quy định chung theo quy chế phân phối tiền lương vụ ép 2017-2018 của Công ty.
- Đối với phụ cấp HĐQT và BKS: Được tính theo hệ số phụ cấp đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 nhất trí thông qua. Cụ thể:
 - + Hội đồng quản trị: Chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,6/ tháng.

Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng.
 ủy viên thường trực HĐQT hệ số PC là 1,25/ tháng.
 ủy viên HĐQT hệ số phụ cấp là 1,15/ tháng/người.

+ Ban kiểm soát: Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng.

ủy viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/ tháng/ người.

- Mức tiền lương tối thiểu của Công ty áp dụng là: 1.450.000 đồng

1.2. Thù lao chi trả thực tế cho HĐQT, BKS, Ban TGD:

Thù lao chi trả cho HĐQT, Ban TGD:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Chức danh quản lý	Thù lao HĐQT	
				Tiền lương theo chức danh QL	Phụ cấp HĐQT
1	Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc	150.849.000	27.840.000
2	Ma Trung Lập	Phó CT HĐQT	Phó TGD	124.733.000	23.490.000
3	Lê Anh Tuấn	Thường trực	Tr.P. KHKD	95.999.000	21.750.000
4	Mã Thị Quyết	Thành viên	Kế toán trưởng	114.480.000	20.010.000
5	Nông Văn Thuyết	Thành viên	NV P. kỹ thuật	72.560.000	20.010.000
6	Nông Thị Nậu		Phó TGD	134.395.000	0
Tổng cộng				693.016.000	113.100.000

Thù lao chi trả cho BKS:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Chức danh quản lý	Thù lao BKS	
				Tiền lương theo chức danh QL	Phụ cấp BKS
1	Hoàng Thị Quyết	Trưởng BKS		110.835.000	0
2	Trương Minh Đức	Thành viên	QĐ xưởng ĐL	102.391.000	10.440.000
3	Đình Bế Đỉnh	Thành viên	QĐ xưởng CE	112.128.000	10.440.000
Tổng cộng				325.354.000	25.230.000

Thù lao thực tế chi trả cho thành viên HĐQT; Ban TGD: Tiền lương theo chức danh quản lý là 693.016.000 đồng; Phụ cấp HĐQT là 113.100.000 đồng.

Thù lao thực tế chi trả cho thành viên BKS: Tiền lương theo chức danh quản lý là 325.354.000 đồng; Phụ cấp BKS là 25.230.000 đồng.

2- Chi phí khác:

Do các thành viên của HĐQT và BKS đều kiêm nhiệm các chức danh quản lý điều hành Công ty, vì vậy các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của HĐQT và BKS cũng là chi phí quản lý điều hành chung của các chức danh quản lý Công ty.

3 - Kế hoạch chi trả thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT, BKS; Ban TGD trong năm 2018-2019 (từ tháng 7/2018 đến hết tháng 6/2019).

3.1. Tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS có kiêm nhiệm chức danh quản lý Công ty, Ban tổng giám đốc Công ty được chi trả theo Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng vụ ép 2018 - 2019 của Công ty.

3.2. Tiền phụ cấp cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS được chi trả theo hệ số phụ cấp:

- Đối với thành viên HĐQT: Chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,6/ tháng.
Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng.
Thường trực HĐQT hệ số phụ cấp là 1,25/ tháng.
Thành viên khác HĐQT hệ số phụ cấp là 1,15/ người/ tháng.
- Đối với thành viên BKS: Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng.
Thành viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/ người/ tháng.

Mức tiền lương tối thiểu làm căn cứ tính phụ cấp: Theo mức tiền lương tối thiểu Công ty áp dụng để tính lương cho vụ ép 2018 - 2019.

3.3. Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT và BKS khi thực hiện chức năng nhiệm vụ được chi trả theo thực tế.

Hội đồng quản trị xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 xem xét và chấp thuận thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Nông Văn Lạc

Số: 482 /TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v: Phân phối lợi nhuận niên độ 2017 - 2018
và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2018 - 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Báo cáo tài chính niên độ 2017 - 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

I. Phân phối lợi nhuận niên độ 2017 - 2018:

Do kết quả sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2017-2018 của Công ty bị lỗ, nên không có nguồn để thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận trong năm tài chính 2018-2019.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2018 - 2019 của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch là 3.680 triệu đồng. HĐQT đề xuất, sử dụng lợi nhuận sau thuế thực hiện của niên độ tài chính 2018-2019 để bù đắp lỗ lũy kế, số lợi nhuận còn lại (nếu có) công ty sẽ phân phối theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nông Văn Lạc

Số: 479/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2017 - 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2018 - 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính 2017 - 2018.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch NĐTC 2017 - 2018	Thực hiện NĐTC 2017 - 2018	TH/KH (%)
1	Sản lượng mía ép:				
	- Sản lượng mía ép cho SX đường	Tấn	150.000	157.183	104,78
	- Sản lượng mía ép cho xuất khẩu	Tấn	0	4.989	
2	Sản lượng đường nhập kho	Tấn	16.304	16.394	100,55
3	Sản lượng mật rỉ nhập kho	Tấn	6.250	6.189	99,02
4	Sản lượng phân vi sinh	Tấn	1.500	1.104	73,60
	Sản lượng phân hữu cơ	Tấn	2.000	2.952	147,60
5	Tổng doanh thu	Tr. đ	234.209	216.301	92,35
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đ	8.000	(33.288)	
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	6.400	(33.288)	

2. Kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2018 – 2019:

Từ những thuận lợi và khó khăn đã nêu tại báo cáo của HĐQT, Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch kinh doanh niên độ 2018 – 2019 với một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2017 - 2018	Kế hoạch NĐTC 2018 - 2019	KH/TH (%)
1	Sản lượng mía ép:				
	- Sản lượng mía ép cho SX đường	Tấn	157.183	160.000	101,79
	- Sản lượng mía ép cho xuất khẩu	Tấn	4.989	28.000	561,23
2	Sản lượng đường	Tấn	16.394	17.392	106,08
3	Sản lượng mật rỉ nhập kho	Tấn	6.189	6.250	100,98
4	Sản lượng phân vi sinh	Tấn	1.104	0	
	Sản lượng phân hữu cơ	Tấn	2.952	4.050	137,19
5	Tổng doanh thu	Tr. đ	216.301	265.964	122,96
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đ	(33.288)	4.600	
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	(33.288)	3.680	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nông Văn Lạc

Số: 486 /TTr – HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ – CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT – BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ – CP ngày mùng 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 31 tháng 10 năm 2017.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nông Văn Lạc

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Luật DN 2014 là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Thông tư 95/2017/TT – BTC là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Nghị định 71/2017/NĐ – CP là Nghị số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
1.e. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;	1.e. " Người điều hành " là Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;	Khoản 5 Điều 2 Nghị định 71/2017 – Giải thích thuật ngữ

		Tất cả các thuật ngữ “cán bộ quản lý” trong điều lệ cũ sẽ được thay bằng thuật ngữ “người điều hành”.
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	
1. Vốn điều lệ của Công ty là <u>25.200.000.000 (hai mươi lăm tỷ hai trăm triệu đồng).</u> Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <u>2.520.000 (hai triệu năm trăm hai mươi nghìn) cổ phần</u> với mệnh giá là 10.000 đồng.	1. Vốn điều lệ của Công ty là <i>35.279.250.000 (Ba mươi lăm tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm lăm mươi nghìn).</i> Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <i>3.527.925 (Ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi lăm)</i> cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.	Cập nhật vốn điều lệ
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 15. Quyền của cổ đông	Điều 15. Quyền của cổ đông	
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ</u> 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục <u>từ</u> 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) <i>trở lên</i> tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục <i>ít nhất</i> 06 (sáu) tháng có các quyền sau:	Theo Khoản 3 Điều 12 Thông tư 95/2017 – Quyền của cổ đông
Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	
2. m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong <u>báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</u>	2.m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất <i>được kiểm toán.</i>	Thống nhất tất cả các tỷ lệ để xem xét ra quyết định dựa trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

Điều 19. Các đại diện được ủy quyền	Điều 19. Các đại diện được ủy quyền	
1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền theo đại diện thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền theo đại diện thì phải xác định cụ thể số cổ phần ủy quyền cho mỗi người đại diện.	Khoản 3 Điều 15 Luật DN 2014 – Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là tổ chức
Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 3; Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này.	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b, c Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này.	Cập nhật dẫn chiếu
Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
Trong thời hạn 90 (<i>chín mươi</i>) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành , cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn 90 (<i>chín mươi</i>) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Theo Điều 147 Luật DN 2014 – Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHCĐ
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	

<p>Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 người và tối đa là 11 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. <u>Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa là 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Theo Khoản 2 Điều 13 Nghị định 71/2017 – Thành phần HĐQT</p>
<p>Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	
<p>9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) <u>tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u></p>	<p>9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) <i>tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i></p>	<p>Theo Khoản 8 Điều 153 Luật DN 2014 – Cuộc họp của HĐQT</p>
<p>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ <u>CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</u></p>	<p>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC	CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC	
Điều 61. Ngày hiệu lực	Điều 61. Ngày hiệu lực	
1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng nhất trí thông qua <u>ngày 31 tháng 10 năm 2017</u> theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. <u>Điều lệ này được thay thế cho bản Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ hai được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.</u>	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	
<i>Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</i>		

Số: 487 /TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Nghị số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định 71/2017: Hội đồng quản trị công ty có trách nhiệm xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế quản trị công ty (Bản Dự thảo được đăng tải trên website công ty) và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Các quy định của Quy chế quản trị công ty sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nông Văn Lạc

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC	1
ĐIỀU LỆ	1
PHẦN MỞ ĐẦU	4
Chương I.....	4
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
Chương II	5
TÊN, LOGO, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, logo, hình thức, trụ sở, người đại diện, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Chương III	6
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
Chương IV	6
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	6
Điều 6. Cổ phiếu	7
Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chào bán cổ phần	8
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 11. Thu hồi cổ phần	9
Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	9
Điều 13. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	10
Chương V	10
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
Chương VI.....	11
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 15. Quyền của cổ đông	11
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 17. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Các đại diện được ủy quyền	15
Điều 20. Thay đổi các quyền	16
Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 24. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 28. Hiệu lực nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Chương VII	24
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 29. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 30. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 35. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	31
Điều 36. Người phụ trách quản trị công ty	31
Chương VIII	32
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ CÔNG TY	32
Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 38. Người điều hành	32
Điều 39. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	33
Điều 40. Thư ký Công ty	34
Chương IX	34
BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 41. Kiểm soát viên	34
Điều 42. Ban kiểm soát	35
Chương X	36
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng	37
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	37
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	38
Chương XI	38
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	38
Chương XII	39
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	39
Điều 47. Công nhân viên và công đoàn	39
Chương XIII	39
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH	39
Điều 48. Phân phối lợi nhuận	39
Điều 49. Xử lý lỗ trong kinh doanh	40
Chương XIV	40
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	40
Điều 50. Tài khoản ngân hàng	40
Điều 51. Năm tài chính	40
Điều 52. Chế độ kế toán	40
Chương XV	41
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	41
Điều 53. Báo cáo tài chính năm	41
Điều 54. Báo cáo thường niên	41
Chương XVI	41
KIỂM TOÁN CÔNG TY	41
Điều 55. Kiểm toán	41
Chương XVII	42
CON DẤU	42
Điều 56. Con dấu	42
Chương XVIII	42
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	42
Điều 57. Chấm dứt hoạt động	42
Điều 58. Thanh lý	42
Chương XIX	43
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	43
Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ	43

Chương XX	43
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	43
Chương XXI	43
HIỆU LỰC	43
Điều 61. Ngày hiệu lực	43
T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	44
Nông Văn Lạc	44

Dự thảo

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ – CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm 2018

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại hoặc đã được đăng ký mua tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
- b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- c. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.
- d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- e. "Người điều hành" là Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- f. "Ban điều hành" Là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán;
- h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
- i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, LOGO, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, logo, hình thức, trụ sở, người đại diện, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

- Tên tiếng Anh:

- Tên viết tắt: **CABASU**

2. Logo của Công ty:



3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

- Điện thoại: 0206.3824.121

Fax: 0206.3824.113

- Website: <http://miaduongcaobang.vn>

5. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế quản trị của công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú tại Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm đại diện theo pháp luật của công ty.

Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trừ khi các trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định của pháp luật thì thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 1695-87 và các sản phẩm sau đường như rượu, cốm, bánh kẹo....;
- Nhập khẩu vật tư máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất mía đường;
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía đường;
- Sản xuất phân bón vi sinh;
- Kinh doanh xăng dầu.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể bổ sung các lĩnh vực kinh doanh khác mà pháp luật không cấm để phù hợp với tình hình thực tế và khả năng của Công ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Là doanh nghiệp hoạt động sản xuất – kinh doanh đa ngành, đa nghề trong đó chủ yếu sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực đường kính trắng, các sản phẩm khác sau đường, xây dựng nguồn nguyên liệu mía ổn định có năng suất chất lượng cao, kinh doanh có lãi và thu lợi nhuận tối đa; không ngừng nâng cao lợi ích cho các cổ đông; tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động và người trồng mía; đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty được tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 35.279.250.000 (Ba mươi lăm tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm lăm nghìn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.527.925 (Ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi lăm) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 15 và Điều 16 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó.
2. Trường hợp, cổ phiếu được cấp dưới dạng chứng chỉ phải có dấu của công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
 - b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Tổng giám đốc có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo

về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
 - b. Chào bán ra công chúng;
 - c. Chào bán cổ phần riêng lẻ;
 - d. Chào bán cổ phần thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và luật doanh nghiệp;
 - e. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Trường hợp cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thì việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần ưu đãi có điều kiện về hạn chế chuyển nhượng chỉ được chuyển nhượng khi điều kiện hạn chế về chuyển nhượng hết hiệu lực.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất chung của ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này

với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty được Hội đồng quản trị phê duyệt tùy từng thời điểm cụ thể, trong thời hạn 90 (*chín mươi*) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (*ba*) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 13. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (*ba mươi phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (*mười phần trăm*) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (*mười hai*) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Việc mua lại cổ phần của Công ty quy định tại Điều 12, 13 Điều lệ này chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% (*mười phần trăm*) thì công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc các hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 119 và Khoản 1 Điều 126 Luật doanh nghiệp.
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 12 Điều lệ này;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (*năm phần trăm*) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (*sáu*) tháng có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 2 Điều 30 và Khoản 4 Điều 41 Điều lệ này;
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% (một phần trăm) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 (sáu) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc lạm dụng chức vụ, địa vị và tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chí phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Cung cấp địa chỉ, thông tin cá nhân chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) (một phần hai) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với quy định tại Điều lệ này - trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu tổ chức Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;
- f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - k. Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
 - n. Công ty mua lại hơn 10% (mười phần trăm) một loại cổ phần phát hành;
 - p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - q. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - r. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Các đại diện được ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền theo đại diện thì phải xác định cụ thể số cổ phần uỷ quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
- b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Uỷ quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 20. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai 02 (*hai*) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (*một phần ba*) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc

loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22 và Điều 24 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b, c Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách này được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty và phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán nhà nước. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ ít nhất 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 23. Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ toạ, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

7. Chủ toạ của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

9. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó;
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

10. Trong Điều lệ này mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (*một*) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 24. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty.
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và Khoản 5 Điều này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi có đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

6. Nghị quyết của Đại hội cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông. Việc gửi tài liệu giải trình cho các cổ đông có thể được thay thế bằng đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 (mười năm) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ

quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo hình thức sau:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ; Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, của người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (*năm mươi mốt phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết tán thành trừ những trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 24 Điều lệ này.

Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 (*mười lăm*) ngày kể từ khi kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông, việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24h (*hai mươi bốn giờ*). Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (*mười*) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (*chín mươi*) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 28. Hiệu lực nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (*một trăm phần trăm*) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty. Thành viên hội đồng quản trị phải là cổ đông của Công ty và phải nắm giữ ít nhất 1% (*một phần trăm*) vốn điều lệ;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, tuy nhiên không quá 5 công ty khác.
2. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Điều 30. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (*mười*) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (*sáu*) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (*năm phần trăm*) đến dưới 10% (*mười phần trăm*) tổng số

cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% (bảy mươi phần trăm) đến 80% (tám mươi phần trăm) được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% (tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (chín mươi phần trăm) được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa là 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

e. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua
 - c. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm p Khoản 2 Điều 18 và Điểm b Khoản 5 Điều 44 Điều lệ này.
 - d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - f. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - g. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được đại hội cổ đông ủy quyền;
 - h. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - f. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - g. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (*mười phần trăm*) mỗi loại cổ phần;
 - h. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm m, p Khoản 2 Điều 18 và Điểm b Khoản 5 Điều 44 Điều lệ này;
 - j. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng năm nhưng không thấp hơn mức tiền thù lao tính theo hệ số cho các chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị là 1,6/ tháng; Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị là 1,35/ tháng; Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị là 1,25/ tháng; Ủy viên Hội đồng quản trị là 1,15/ người/ tháng và mức lương tối thiểu Công ty áp dụng từng thời điểm.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc

khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì thành viên còn lại bầu một người trong các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày

hợp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- b. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) làm việc ngày sau khi nhận được đề nghị theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b Khoản 5 Điều 44 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, chi tiết, rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

Điều 35. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 36. Người phụ trách quản trị công ty

1. Trong trường hợp niêm yết, Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có 01 (*một*) Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc và 01 (*một*) Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 38. Người điều hành

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 39. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành một mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng không được quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm với nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. Tổng giám đốc điều hành công ty phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
4. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc điều hành trình Hội đồng quản trị kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm);
 - j. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - k. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

1. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

5. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

b. Có đơn từ chức;

c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc đang đương nhiệm) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

Điều 40. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng 01 (*một*) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty tối thiểu là 03 (*ba*) người, tối đa là 05 (*năm*) người.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - e. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;
3. Các kiểm soát viên bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán và làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Đề cử hoặc ứng cử người vào Ban kiểm soát; Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, 2 Điều 30 Điều lệ này.
5. Trường hợp số lượng các ứng viên ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty. Việc ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi đại hội cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.
6. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm 05 (năm) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
7. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
8. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 42. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
- đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- i. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Mức thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không thấp hơn mức thù lao được tính theo hệ số cho các chức danh: Trưởng Ban kiểm soát là 1,0/ tháng; Kiểm soát viên là 0,6/ người/ tháng và mức lương tối thiểu Công ty áp dụng tại từng thời điểm. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% (*hai mươi phần trăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (*hai mươi phần trăm*) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 30 và Khoản 4 Điều 41 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện

được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

Chương XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành.

2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận phân phối của Công ty là phần còn lại sau khi lấy tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất phổ thông (không tính các khoản ưu đãi về thuế) theo quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp. Lợi nhuận phân phối được sử dụng như sau:

- a. Trích quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: 40%/ lợi nhuận phân phối;
- b. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10%/ lợi nhuận phân phối;
- c. Lợi nhuận để trả cổ tức: 50%/ lợi nhuận phân phối.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Trả cổ tức: Được thực hiện theo phương án phân chia lợi nhuận hàng năm do Hội đồng quản trị Công ty lập và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua với số cổ phần biểu quyết phải đạt từ 51% (năm mươi một phần trăm) trở lên.

4. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án khắc phục lỗ đảm bảo các quy định pháp luật.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm sau. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định về pháp luật kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 53. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, và trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XVII

CON DẤU

Điều 56. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung con dấu của công ty. Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay người điều hành cao cấp;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (*sáu*) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI

HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 theo Nghị quyết của

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Đại hội đồng cổ đông thường niên tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (*một phần hai*) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nông Văn Lạc

Dự thảo

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ/ĐHĐCĐ ngày tháng ... năm ...
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng)*

Cao Bằng, tháng 11 năm 2018

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	6
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	6
Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	7
CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	7
Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	7
CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG	8
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn	9
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	9
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	10
Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	10
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	10
Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	11
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	11
Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	12
Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	12
Điều 16. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị	13
Điều 18. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 19. Thư ký công ty	14
CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 20. Số lượng, tiêu chuẩn Kiểm soát viên.....	14
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.....	14
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	14
Điều 23. Cuộc họp của Ban kiểm soát	15
Điều 24. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	15
CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH	15
Điều 25. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành	15
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc	16

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.....	17
Điều 27. Nguyên tắc phối hợp	17
Điều 28. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành.....	17
Điều 29. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát.....	17
Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành	18
CHƯƠNG IX: KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	18
Điều 31. Đánh giá hoạt động.....	18
Điều 32. Khen thưởng.....	19
Điều 33. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	19
CHƯƠNG X: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	19
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp	19
Điều 35. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc.....	20
Điều 36. Giao dịch với người có liên quan	20
Điều 37. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty.....	20
CHƯƠNG XI: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	20
Điều 38. Nghĩa vụ công bố thông tin	20
Điều 39. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	21
Điều 40. Công bố thông tin về quản trị công ty.....	21
Điều 41. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc.....	21
Điều 42. Tổ chức công bố thông tin.....	21
CHƯƠNG XII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
Điều 43. Sửa đổi bổ sung	21
Điều 44. Ngày hiệu lực	22
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	23
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	23
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	23
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông	25

Điều 7.	Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 8.	Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 9.	Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 10.	Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 11.	Thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27

PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 30

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	30
Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	30
Điều 3.	Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 4.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 5.	Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 6.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 7.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	32

PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 33

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	33
Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	33
Điều 3.	Quy định về cuộc họp đầu tiên.....	33
Điều 4.	Cuộc họp định kỳ và bất thường.....	34
Điều 5.	Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	34
Điều 6.	Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	35
Điều 7.	Cách thức biểu quyết.....	35
Điều 8.	Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	35
Điều 9.	Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.....	36
Điều 10.	Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị.....	36

PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN..... 37

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	37
Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	37
Điều 3.	Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.....	37
Điều 4.	Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	38
Điều 5.	Cách thức bầu Kiểm soát viên.....	38
Điều 6.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	38

Điều 7.	Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	38
---------	---	----

PHỤ LỤC 5: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP 39

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh	39
Điều 2.	Đối tượng áp dụng	39
Điều 3.	Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp	39
Điều 4.	Bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	39
Điều 5.	Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	40
Điều 6.	Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp	40
Điều 7.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp	40

CĂN CỨ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và/hoặc các thành viên không phải là cổ đông nhưng có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
 - b. “Công ty” là Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.
 - c. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - d. “Cổ đông lớn” là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
 - e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được theo quy định Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế nội bộ về quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

- +Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Phụ lục 1 đính kèm);
- +Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục 2 đính kèm);
- +Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục 3 đính kèm);
- +Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên (Phụ lục 4 đính kèm).
- +Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Phụ lục 5 đính kèm);
- +Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;
- +Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác; Ngoài ra, Quy chế nội bộ về quản trị công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ Công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý sau:

1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty.

4. Tổng giám đốc công ty

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;

d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác như:

- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông trong công ty.

f. Nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

g. Nghĩa vụ cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:

- a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- d. Cách thức bỏ phiếu;
- e. Cách thức kiểm phiếu;
- f. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- h. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- i. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;
- j. Các vấn đề khác.

2. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và phụ lục số 1 Quy chế này. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu.

3. Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Hàng năm công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
7. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.
 2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành/độc lập.
- Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, phụ lục số 2 Quy chế này.

Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
4. Hội đồng quản trị thông qua việc công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp;
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị; Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc, Ban kiểm soát hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
5. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

1. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.
 - b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.
 - c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền.
 - d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận
5. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Phụ lục số 3 Quy chế này. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 18. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Thư ký công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng 1 hoặc nhiều người làm thư ký Công ty.
2. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Số lượng, tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát được quy định tại Khoản 6 Điều 41 Điều lệ công ty.
2. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty và có điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Điều lệ công ty.
3. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, phụ lục số 4 Quy chế này.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và

cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.

2. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Ban kiểm soát có quyền đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

4. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 23. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 24. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 25. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành

1. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Tổng giám đốc có các tiêu chuẩn và điều kiện theo Khoản 3 Điều 39 Điều lệ công ty.

3. Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
4. Kế toán trưởng của Công ty phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau:
 - a. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
 - c. Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán bậc trung cấp;
 - d. Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.
5. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Phụ lục 5 đính kèm quy chế này)

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 39 Điều lệ công ty.
2. Tổng Giám đốc có quyền quyết định thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản theo văn bản ủy quyền của Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc của Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.
5. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 27. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- a. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
- b. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
- c. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
- d. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 28. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Tổng giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 29. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.
2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.
4. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị.

5. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
6. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.
7. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
8. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.
2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.
3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
5. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IX: KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Đánh giá hoạt động

1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
2. Trưởng ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Kiểm soát viên.

3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người điều hành khác.

Điều 32. Khen thưởng

1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Chế độ khen thưởng:

a. Bằng tiền;

b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.

5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể

Điều 33. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

CHƯƠNG X: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải thực hiện trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều 44 Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông

hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 34 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 36. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 37. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG XI: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 38. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty đại chúng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh

hướng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và các nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 39. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty đại chúng phải báo cáo ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24h kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 40. Công bố thông tin về quản trị công ty

Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 41. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG XII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 44. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm XII chương, 44 Điều và 05 phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng thống nhất thông qua ngày tháng năm ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được uỷ quyền.
3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng)

Căn cứ:

- +Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- +Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- +Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- +Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- +Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- +Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- +Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nội dung chính sau:

- +Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- +Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- +Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- +Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- +Cách thức bỏ phiếu; Cách thức kiểm phiếu; Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- +Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- +Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- +Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- +Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thực hiện, tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ

chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Thẩm quyền triệu tập đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 17 Điều lệ Công ty

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Xác định thời gian và địa điểm họp;
- Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
- Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp

đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Phiếu biểu quyết;
- c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

1. Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác và Thông báo mời họp
3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
5. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/giơ tay hoặc bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.
2. Cách thức kiểm phiếu:
 - Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận kết quả;

- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê.
- Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 9. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Trường hợp này Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

2. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 11. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

a) Chuẩn bị tài liệu:

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

❖ Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Mục đích lấy ý kiến;

+ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân

dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

c) Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.

Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

d) Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu

❖ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.

❖ Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- + Các vấn đề đã được thông qua;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- ❖ Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ các quy định tại Khoản 3 Điều 24 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g) Thông báo kết quả kiểm phiếu

Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

h) Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng)

Căn cứ:

- +Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- +Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- +Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- +Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- +Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

- +Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
- +Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; Cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.
- +Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- +Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- +Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề cử, ứng cử bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 29 Điều lệ công ty.
2. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 31 Điều lệ công ty.

Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng

cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
- h. Họ tên của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5%(năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30%(ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40%(bốn mươi phần trăm) đến dưới 50%(năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60%(sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60%(sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70%(bảy mươi phần trăm) đến 80%(tám mươi phần trăm) được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80%(tám mươi phần trăm) đến dưới 90%(chín mươi phần trăm) được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải thực hiện theo các biểu mẫu mà Công ty cung cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 10 Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
 - b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức;
 - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

- Cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường;
- Thông báo họp Hội đồng quản trị;
- Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- Cách thức biểu quyết;
- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
- Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Điều 3. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất

hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên của Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.

Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản 1 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 7. Cách thức biểu quyết

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp khi được đa số các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc, và phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

2. Một thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Hội đồng quản trị cho một người khác nếu sự ủy quyền đó nhận được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

4. Theo quy định tại Khoản 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 5 Điều 44 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

Điều 8. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung trong biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 10. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng)

Căn cứ:

- +Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- +Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- +Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- +Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- +Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi Kiểm soát viên, bao gồm nội dung chính sau:

- Tiêu chuẩn thành viên Kiểm soát viên;
- Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí Kiểm soát viên của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Cách thức bầu Kiểm soát viên;
- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm Kiểm soát viên;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề cử, ứng cử bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên.

Điều 3. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát phải là người có chuyên môn về kế toán và làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 4. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại các Điều 4 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Kiểm soát viên sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 5. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 5 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 20 Quy chế này;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên sẽ được công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

PHỤ LỤC 5: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng)

Căn cứ:

- +Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- +Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- +Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- +Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- +Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, bao gồm nội dung chính sau:

- Tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp;
- Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp;
- Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành.

2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.

Điều 3. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn làm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc thực hiện theo Khoản 2, 3 Điều 25 Quy chế này.
2. Tiêu chuẩn làm Kế toán trưởng thực hiện theo Khoản 4 Điều 25 Quy chế này.

Điều 4. Bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.

2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác

a. Tổng Giám đốc căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc đề cử Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.

b. Hội đồng quản trị căn cứ vào đề xuất của Tổng giám đốc, xem xét và ra quyết định bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.

Điều 5. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

1. Thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động:

a. Việc ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị thực hiện.

b. Việc ký kết hợp đồng lao động với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Tổng giám đốc thực hiện.

2. Các điều khoản trong hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác không được trái với quy định của pháp luật lao động.

Điều 6. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác sẽ bị miễn nhiệm:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 25 Quy chế này;

b. Có đơn từ chức;

c. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác khi có lý do vì lợi ích của công ty tuy nhiên không được trái với các quy định trong hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 7. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phân in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Luật DN 2014 là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Thông tư 95/2017/TT – BTC là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Nghị định 71/2017/NĐ – CP là Nghị số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
1.e. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều	1.e. " Người điều hành " là Tổng giám đốc điều	Khoản 5 Điều 2 Nghị định 71/2017 –

hành, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;	hành, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;	Giải thích thuật ngữ Tất cả các thuật ngữ “cán bộ quản lý” trong điều lệ cũ sẽ được thay bằng thuật ngữ “người điều hành”.
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	
1. Vốn điều lệ của Công ty là <u>25.200.000.000</u> (<i>hai mươi lăm tỷ hai trăm triệu đồng</i>). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <u>2.520.000</u> (<i>hai triệu năm trăm hai mươi nghìn</i>) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.	1. Vốn điều lệ của Công ty là <i>35.279.250.000</i> (<i>Ba mươi lăm tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm lăm nghìn</i>). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <i>3.527.925</i> (<i>Ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi lăm</i>) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.	Cập nhật vốn điều lệ
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 15. Quyền của cổ đông	Điều 15. Quyền của cổ đông	
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (<i>năm phần trăm</i>) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (<i>sáu</i>) tháng trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (<i>năm phần trăm</i>) <i>trở lên</i> tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục <i>ít nhất</i> 06 (<i>sáu</i>) tháng có các quyền sau:	Theo Khoản 3 Điều 12 Thông tư 95/2017 – Quyền của cổ đông
Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	
2. m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (<i>ba mươi lăm phần trăm</i>) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong <u>báo cáo tài chính</u>	2.m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (<i>ba mươi lăm phần trăm</i>) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài	Thống nhất tất cả các tỷ lệ để xem xét ra quyết định dựa trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

<u>gần nhất của Công ty.</u>	chính gần nhất <i>được kiểm toán.</i>	
Điều 19. Các đại diện được ủy quyền	Điều 19. Các đại diện được ủy quyền	
1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền theo đại diện thì phải xác định cụ thể số cổ phần <u>và số phiếu bầu</u> được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền theo đại diện thì phải xác định cụ thể số cổ phần ủy quyền cho mỗi người đại diện.	Khoản 3 Điều 15 Luật DN 2014 – Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là tổ chức
Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <u>Khoản 3; Khoản 4</u> Điều 17 Điều lệ này.	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <i>Điểm b, c Khoản 4</i> Điều 17 Điều lệ này.	Cập nhật dẫn chiếu
Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
Trong thời hạn 90 (<i>chín mươi</i>) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành</u> , cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn 90 (<i>chín mươi</i>) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Theo Điều 147 Luật DN 2014 – Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHCĐ

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 người và tối đa là 11 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. <u>Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u>	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa là 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Theo Khoản 2 Điều 13 Nghị định 71/2017 – Thành phần HĐQT
Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	
9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) <u>tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u>	9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) <i>tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i>	Theo Khoản 8 Điều 153 Luật DN 2014 – Cuộc họp của HĐQT
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ <u>CÁN BỘ QUẢN LÝ</u>	CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	

KHÁC	KHÁC	
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC	CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC	
Điều 61. Ngày hiệu lực	Điều 61. Ngày hiệu lực	
1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng nhất trí thông qua <u>ngày 31 tháng 10 năm 2017</u> theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. <u>Điều lệ này được thay thế cho bản Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ hai được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.</u>	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	
<i>Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung</i>	<i>của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</i>	

DỰ THẢO

Cao Bằng, ngày 09 tháng 11 năm 2018

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông (Theo Điều 22 Điều lệ Doanh nghiệp)

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội

đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất

- Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu Cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 23/10/2018) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền sau đây được gọi là “Đại biểu” khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc không để chuông.

Điều 5. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình của Hội đồng quản trị (HĐQT) được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội;
 - b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 6. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội); Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp (khi cần thiết);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các Đại biểu khi được yêu cầu;

- c. Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
- d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội;
- e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội gồm **04 người**, bao gồm **01 Trưởng Ban và 03** thành viên. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Đại biểu dự họp đại diện ít nhất 51% số Cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được tiến hành.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội) và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban Thư ký;
 - Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký;
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
 - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết **công khai bằng thẻ biểu quyết hoặc** bỏ phiếu kín bằng phiếu biểu quyết.
- **Thẻ biểu quyết** và Phiếu biểu quyết; được Công ty in, **đóng dấu treo** và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số Cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 như sau:
 - + Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Thành phần Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - + Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các nội dung tờ trình Đại hội, được xác định và ghi rõ trong từng phiếu biểu quyết gửi cho mỗi cổ đông.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. **Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ.** Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu/Ban kiểm tra tư cách đại biểu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến, Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi

Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức phát ra;
- Phiếu không có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu;
- Phiếu biểu quyết bị gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết;
- Các vấn đề biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một Tờ trình Đại hội.

4. Thể lệ biểu quyết

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 3, Điều 24 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

Điều 11. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Thi hành Quy chế

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nông Văn Lạc

Dự Thảo

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Giấy Chứng nhận ĐKDN số 4800104012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 14/03/2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 07/8/2018.

Thời gian: 7 giờ thứ sáu ngày 9 tháng 11 năm 2018

Địa điểm: Hội trường Công ty, Thị trấn Tá Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

- Người báo cáo: Bà Hoàng Thị Quyết – Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
- Nội dung báo cáo:
 - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 23/10/2018, sở hữu ... cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng
 - Cổ đông tham dự Đại hội: cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

II. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

1. Đoàn Chủ tịch:

Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT- Chủ tọa Đại hội
Ông Ma Trung Lập	Thành viên HĐQT
Bà Hoàng Thị Quyết	Thành viên HĐQT

2. Thư ký:

Bà Mạc Thị Huệ	Trưởng ban Thư ký
Bà Chu Thị Hương Giang	Thành viên ban thư ký

3. Ban Kiểm Phiếu:

Bà Hoàng Thị Hạnh	Trưởng ban Kiểm Phiếu
Bà Nông Thị Thủy	Thành viên ban Kiểm phiếu

Bà Nông Thị Duyên

Thành viên ban Kiểm phiếu

Đại hội nhất trí thông qua danh sách danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

III. Giới thiệu Chương trình Đại hội

Ông Nông Văn Lạc – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại hội thông qua Chương trình Đại hội

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- Báo cáo Hội đồng quản trị niên độ 2017 – 2018 và kế hoạch niên độ 2018 – 2019 - Người trình bày: ...;
- Báo cáo Ban kiểm soát – Người trình bày: ...;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2017 - 2018 và kế hoạch niên độ 2018 – 2019 – Người trình bày:.....;
- Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2017 – 2018 – Người trình bày: ...;
- Tờ trình Thông qua Báo cáo HĐQT, BKS – Người trình bày:.....;
- Tờ trình Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ 2017 – 2018 và kế hoạch niên độ 2018 – 2019 – Người trình bày:.....;
- Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2017 – 2018 – Người trình bày: ...;
- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2017 - 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2018 – 2019 – Người trình bày: ...;
- Tờ trình thù lao HĐQT, BKS, ban TGD niên độ 2017 - 2018 và kế hoạch niên độ 2018 – 2019 – Người trình bày: ...;
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán niên độ 2018 – 2019 – Người trình bày: ...;
- Tờ trình việc chủ tịch HĐQT kiêm TGD – Người trình bày.....;
- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty – Người trình bày: ...;
- Tờ trình thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty – Người trình bày:

PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG:

Cổ đông nêu các câu hỏi sau:

1.
2.
3.

Ông ... - Chức vụ: ... giải đáp như sau:

1.
2.
3.

PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát niên độ 2017 – 2018 và kế hoạch niên độ 2018 – 2019.

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2017 – 2018 và kế hoạch kinh doanh niên độ 2018 – 2019.

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện NĐTC 2017 - 2018	Kế hoạch NĐTC 2018 - 2019	KH/ TH
1	Sản lượng mía			
2	Sản lượng đường			
3	Sản lượng mật rỉ nhập kho			
4	Sản lượng phân vi sinh			
5	Tổng doanh thu			
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
7	Lợi nhuận sau thuế			

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán niên độ 2017 – 2018.

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2017 - 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2018 – 2019.

1. Không phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2017 – 2018.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2018 – 2019:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Niên độ 2018 - 2019 (ĐVT: VNĐ)
1. Lợi nhuận trước thuế		
2. Thuế TNDN phải nộp		
3. Lợi nhuận sau thuế		
4. Phân phối lợi nhuận		
4.1. Quỹ dự trữ bắt buộc		
4.2. Quỹ đầu tư phát triển		
4.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
4.4. Lợi nhuận chia cổ tức		

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 5: Thông qua thù lao của HĐQT, BKS, ban TGD niên độ 2017 - 2018 và kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS, ban TGD niên độ 2018 – 2019.

Nội dung chi tiết thù lao của HĐQT, BKS, ban TGD trong tờ trình thù lao HĐQT, BKS, ban TGD niên độ 2017 – 2018 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS, ban TGD niên độ 2018 – 2019.

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 6: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán niên độ 2018 – 2019.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán do của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán cho niên độ tài chính 2018 - 2019.

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 7: Thông qua việc chủ tịch HĐQT kiêm TGD.

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 8: Thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.

Thông qua việc sửa đổi và bổ sung các điểm trong Điều lệ Công ty để đảm bảo tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp 2014, các văn bản pháp luật hiện hành và đáp ứng nhu cầu quản trị, điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 9: Thông qua quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Công ty xây dựng quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật.

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

PHẦN V: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Người trình bày – Bà: đọc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Người trình bày – Bà: đọc biên bản cuộc họp.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 với ... % số phiếu tán thành.

Biên bản nay được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Đại hội kết thúc giờ cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH ĐOÀN

Nông Văn Lạc

Số : /NQ-DHĐCĐ

Cao Bằng, ngày 9 tháng 11 năm 2018

Dự Thảo

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng ngày 09/11/2018;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng ngày 09/11/2018.

QUYẾT NGHỊ

Ngày 09/11/2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng được tổ chức với sự tham gia của [...] cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho [...] cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm [...] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát niên độ 2017 – 2018 và kế hoạch niên độ 2018 – 2019.

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2017 – 2018 và kế hoạch kinh doanh niên độ 2018 – 2019.

Kế hoạch kinh doanh niên độ 2018 - 2019:

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 - Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện NĐTC 2017 - 2018	Kế hoạch NĐTC 2018 - 2019	KH/ TH
1	Sản lượng mía			
2	Sản lượng đường			
3	Sản lượng mật rỉ nhập kho			
4	Sản lượng phân vi sinh			
5	Tổng doanh thu			
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
7	Lợi nhuận sau thuế			

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán niên độ 2017 – 2018.

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2017 - 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2018 – 2019.

1. Không phân phối lợi nhuận năm 2017 – 2018
2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2018 – 2019

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 5: Thông qua thù lao của HĐQT, BKS, ban TGD niên độ 2017 - 2018 và kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS, ban TGD niên độ 2018 – 2019.

Nội dung chi tiết thù lao của HĐQT, BKS, ban TGD trong tờ trình thù lao HĐQT, BKS, ban TGD niên độ 2017 – 2018 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS, ban TGD niên độ 2018 – 2019.

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 6: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán niên độ 2018 – 2019.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán do của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn lựa chọn đơn vị kiểm toán cho niên độ tài chính 2018 - 2019.

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 7: Thông qua việc chủ tịch HĐQT kiêm TGD.

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 8: Thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.

Thông qua việc sửa đổi và bổ sung các điểm trong Điều lệ Công ty để đảm bảo tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp 2014, các văn bản pháp luật hiện hành và đáp ứng nhu cầu quản trị, điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.

Phản biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành: ... đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không tán thành: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không hợp lệ: ..., đại diện cho: ..., chiếm: ...% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Điều 9: Thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Thông qua quy chế nội bộ về quản trị Công ty đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đáp ứng nhu cầu quản trị, điều hành của Công ty.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng được thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nông Văn Lạc



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: CBS.000001

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: 100.000 cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: 0 cổ phần
Số lượng cổ phần biểu quyết: **100.000 cổ phần**



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ CỔ ĐÔNG: CBS.000001

Họ và tên Cổ đông: NGUYỄN VĂN A

Số lượng cổ phần sở hữu: 100.000 cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: 0 cổ phần

Tổng số lượng cổ phần đại diện: 100.000 cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Nội dung 01: Thông qua Báo cáo của HĐQT, BKS.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2017 – 2018 và kế hoạch niên độ 2018 - 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2017 - 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2017 - 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2018 - 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Thông qua Thù lao HĐQT, BKS, ban TGD niên độ 2017 – 2018 và kế hoạch thù lao 2018 – 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán niên độ 2018 – 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Thông qua việc chủ tịch HĐQT kiêm TGD	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Thông qua quy chế nội bộ về quản trị Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

- Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT** trong các phương án: **Đồng ý**, **Không đồng ý**, **Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

Ngày 9 tháng 11 năm 2018
CỔ ĐÔNG HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO ỦY QUYỀN
(Ký và Ghi rõ họ tên)